

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2025/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 22 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, điều chỉnh Quy định Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật số 43/2024/QH15 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 222/TTr-STNMT ngày 15 tháng 01 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 57/BCTĐ-STP ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, điều chỉnh Quy định Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, như sau:

1. Sửa đổi quy định tại Khoản 1 Điều 1 như sau:

“ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, được áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 159 Luật đất đai năm 2024, cụ thể:

a) *Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân; chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân;*

b) *Tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm;*

c) *Tính thuế sử dụng đất;*

d) *Tính thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân;*

đ) *Tính lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;*

e) *Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;*

g) *Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý, sử dụng đất đai;*

h) *Tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với hộ gia đình, cá nhân;*

i) *Tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng;*

k) *Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân;*

l) *Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê.*

2. *Trường hợp nhà nước giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất, thì mức giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất hoặc trúng đấu thầu dự án có sử dụng đất không được thấp hơn mức giá quy định tại Quyết định này.*”

2. Điều chỉnh Quy định giá đất cho một số loại đất khác, như sau:

a) *Đối với đất rừng phòng hộ và đất rừng đặc dụng: Căn cứ vào giá đất rừng sản xuất tại khu vực lân cận để xác định giá đất;*

b) *Đối với đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng: Căn cứ vào mục đích sử dụng để xác định giá đất;*

c) *Đối với đất sử dụng vào mục đích công cộng có mục đích kinh doanh, đất phi nông nghiệp khác: Căn cứ vào giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp tại khu vực lân cận để xác định giá đất;*

d) *Đối với đất sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh và các mục đích*

công cộng khác (không có các công trình xây dựng trên đất) thì căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất để quy định theo giá đất nông nghiệp liền kề có mức giá cao nhất (xác định theo loại xã và vùng);

đ) Giá đất trong bảng giá đất đối với đất sử dụng có thời hạn được tính tương ứng với thời hạn sử dụng đất là 70 năm, trừ đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân theo hạn mức giao đất nông nghiệp, đất nông nghiệp trong hạn mức nhận chuyển quyền thì không căn cứ vào thời hạn sử dụng đất.

3. Điều chỉnh Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Cao Bằng, như sau:

a) Điều chỉnh Bảng giá đất ở tại nông thôn, biểu số 06;

b) Điều chỉnh Bảng giá đất ở tại đô thị, biểu số 07.

(Có Biểu điều chỉnh Bảng giá các loại đất chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 15 ngày 10 tháng 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Xuân Ánh

BIỂU 06: ĐIỀU CHỈNH BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Huyện Bảo Lâm				
1	Xã Lý Bôn				
	Đất mặt tiền từ nhà ông Lữ Minh Tâm (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 215) đến ngã ba đầu cầu quốc lộ 4c, ngã ba đường rẽ vào chợ đến hết Bưu điện văn hóa xã	483	362	271	217
	Đất thuộc khu vực trung tâm chợ xã Lý Bôn	483	362	271	217
	Đất mặt tiền từ Bưu điện văn hóa xã đến nhà ông Nông Văn Lực (hết thửa đất số 40, tờ bản đồ số 200) (bên xóm Nà Pồng)	412	309	231	185
	Đất mặt tiền từ nhà bà Tô Thị Hương (thửa đất số 34, tờ bản đồ số 216) cột sóng Viettel đến cây xăng Lý Bôn	412	309	231	185
	Đất mặt tiền từ Cây xăng Lý Bôn đến hết địa phận xã Lý Bôn theo quốc lộ 34	412	309	231	185
	Đất mặt tiền từ nhà ông Lữ Minh Tâm (thửa đất số 54, tờ bản đồ số 215) dọc theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Nông Văn Thành (đến hết thửa đất số 45, tờ bản đồ số 241) - Pác Kín xóm Nà Pồng	412	309	231	185
	Đất mặt tiền từ nhà ông Nông Văn Thành (thửa đất số 45, tờ bản đồ số 241) đến ngã ba theo đường rẽ đi xã Vĩnh Phong đến hết địa giới hành chính xã Lý Bôn	311	233	175	140
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Lý Bôn tờ bản đồ 199 dọc theo quốc lộ 4c (bên xóm Nà Mạt) đến hết địa phận xóm Nà Mạt theo quốc lộ 4c (đến hết thửa đất số 20, tờ bản đồ 149)	311	233	175	140
	Đoạn đường ô tô đi lại được xung quanh trường cấp II, III Lý Bôn	225	169	127	101
	Đất mặt tiền từ dọc quốc lộ 4c chạy qua các xóm Tổng Ác, Pác Rà, Khuổi Vín, đến đầu cầu Nà Tông	225	169	127	101
	Đất mặt tiền chạy từ ngã ba quốc lộ 4C đến đường rẽ đi xóm Phiêng Pèn (từ thửa đất số 42 tờ bản đồ số 200) (đi qua các xóm Nà Mạt, Phiêng Pèn, Phiêng Lũng, đến hết Phân trường Tiểu học Phiêng Dăm	225	169	127	101
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 4C qua đường rẽ xóm Pác Rà (từ thửa số đất 40, tờ bản đồ 69) đến hết Trường Tiểu học Nà Khuông	225	169	127	101
	Đoạn từ ngã ba Quốc lộ 4c từ thửa đất số 27, tờ bản đồ số 7) xóm Nà Tông, đến Nà Mầu, Đông Sang (hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 46)	225	169	127	101

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ ngã ba Pác Ruộc (từ thửa đất số 70, tờ bản đồ số 182) đi xã Đức Hạnh (đi các xóm Nà Mạt Khuổi Bon) đến hết địa phận xã Lý Bôn	225	169	127	101
	Đoạn đường từ Nà Sài (thửa số 70, tờ bản đồ số 182) đi Pác Ruộc đến đầu cầu treo xóm Nà Tôm bên xóm Pác Ruộc	225	169	127	101
	Xã Miền núi				
2	Xã Mông Ân				
	Đất mặt tiền đoạn từ thị trấn Pác Miầu đến đường rẽ lên UBND Xã Mông Ân đi qua xóm Nà Bon (đến hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 77)	253	190	142	114
	Đất mặt tiền đoạn từ đường rẽ lên UBND Xã Mông Ân đến cầu Nà Làng (đi qua xóm Nà Làng)	253	190	142	114
	Đất mặt tiền đoạn ngã ba đường rẽ nhà ông Sùng Văn Lồng (thửa đất số 37, tờ bản đồ số 55) đến hết Trường tiểu học Lũng Vài (xóm Nà Bon)	253	190	142	114
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường đi xóm Nà Pồng vào đến nhà ông Hoàng Văn Thén (hết thửa đất số 130, tờ bản đồ số 136)	253	190	142	114
	Đất mặt tiền từ ngã ba xóm Đon Sài, Nà Pồng đến giáp xóm Khau Dề xã Thái Sơn	253	190	142	114
3	Xã Vĩnh Phong				
	Đất mặt tiền bắt đầu từ Quốc lộ 34 giáp ranh xã Lý Bôn đến hết trụ sở Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phong	253	190	142	114
	Đất mặt tiền từ xóm Bản Diêm (từ thửa đất số 73 tờ bản đồ số 39) đến hết trường tiểu học xóm Lũng Trang	253	190	142	114
	Đất mặt tiền dọc theo đường từ UBND xã đến xóm Ến Nội (từ thửa số 3 tờ bản đồ số 59 đến hết thửa 17 tờ bản đồ 165)	253	190	142	114
	Tuyến đường đất mặt tiền dọc theo đường liên xóm từ xóm Ến Ngoại đi trường tiểu học xóm Ến Cồ (từ thửa số 175 tờ bản đồ số 121 đến hết thửa số 103 tờ bản đồ số 184)	253	190	142	114
	Tuyến đường đất mặt tiền dọc theo đường liên xóm từ xóm Bản Diêm (từ thửa số 14 tờ bản đồ số 68) đến hết điểm trường tiểu học Năm Tấn thuộc xóm Phiêng Nặm.	253	190	142	114
4	Xã Vĩnh Quang				
	Đoạn mặt tiền dọc theo Quốc lộ 34 từ ngã ba đường mới rẽ vào xã Vĩnh Quang về phía Bảo Lạc đến hết nhà ông Sâm Văn Thiệt (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03), về phía Bảo Lâm đến hết nhà bà Liên Thị Nhâm (hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 03) (Nà Tôm)	311	233	175	140

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường rẽ lên trụ sở Ủy ban nhân dân đến hết Trạm Y tế xã và toàn bộ khu vực mặt tiền chợ xã.	311	233	175	140
	Đất mặt tiền đoạn đường từ nhà ông Sầm Văn Thiết (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 03) theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Vĩnh Quang (giáp huyện Bảo Lạc).	265	199	148	120
	Tuyến đường liên xóm Thiêng Nà, Cốc Tém, Nà Lâu (từ thửa 48 tờ bản đồ 6 đến hết thửa số 130 tờ bản đồ số 100).	265	199	148	120
	Tuyến đường liên xóm Nà Ngà, Khuổi Rò, Nậm Lạn, Nà Hiên, Nậm Uôm (từ thửa đất số 204 tờ bản đồ số 109 đến hết thửa đất số 76 tờ bản đồ số 197).	265	199	148	120
	Tuyến đường liên xóm Nà Luông - Nà Hù (từ thửa đất số 308 tờ bản đồ số 88 đến hết thửa đất số 236 tờ bản đồ số 88)	265	199	148	120
	Tuyến đường liên xóm Nà Luông - xóm Phía Nà (từ thửa đất số 306 tờ bản đồ số 88 đến thửa đất 90 tờ bản đồ số 103)	265	199	148	120
	Tuyến đường từ xóm Bản Cài – xóm Nà Pháo đến hết địa giới hành chính xã Vĩnh Quang	265	199	148	120
	Tuyến đường liên xóm Nà Luông đi xóm Bản Cài (từ thửa đất số 104 tờ bản đồ số 29 đến hết thửa đất số 293 tờ bản đồ số 88).	265	199	148	120
	Tuyến đường ngã ba Khau Sáng - Nậm Uôm thuộc xóm Nậm Uôm	265	199	148	120
5	Xã Đức Hạnh				
	Đất mặt tiền đường giao thông huyện lộ thuộc xóm Cốc Phung (từ thửa số 82 tờ bản đồ số 115 đến hết thửa đất số 93 tờ bản đồ số 92)	253	190	142	114
	Tuyến đường huyện lộ giáp Bảo Toàn qua Xóm Cốc Lý đến xóm Cốc Phung (đến hết thửa đất số 82 tờ bản đồ số 115).	253	190	142	114
	Tuyến đường xóm Cốc Phung đi xóm Nà Sa đến xóm Chè Lý A (từ thửa đất số 93 tờ bản đồ số 92 đến hết thửa 27 tờ bản đồ số 35)	253	190	142	114
	Tuyến đường xóm Cốc Phung qua xóm Nà Hu đến xóm Hát Han (từ thửa đất số 95 tờ bản đồ số 92 đến hết thửa đất số 90 tờ bản đồ số 48.)	253	190	142	114
	Tuyến đường xóm Cốc Lý qua Cà Pên B, Cà Pên A (từ thửa đất số 36 tờ bản đồ 229 đến hết thửa đất số 34 tờ bản đồ 237)	253	190	142	114
	Tuyến đường xóm Cốc Lý đến xóm Cà Đồng (từ thửa số 43 tờ bản đồ 170 đến hết thửa đất số 78 tờ bản đồ 166.)	253	190	142	114
	Tuyến đường qua xóm Chè Lý A đến xóm Hát Han (từ thửa đất số 27 tờ 35 đến hết thửa đất số 90 tờ 48.)	253	190	142	114

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
6	Xã Yên Phố				
	Đất mặt tiền xung quanh khu chợ Bản Chang I (từ thửa đất 08 tờ bản đồ số 162 đến ngã ba đường lên Ủy ban nhân dân xã)	311	233	175	140
	Đất dọc đường giao thông huyện lộ từ ranh giới xã Thái Học đến đầu xóm Bản Chang I (đến hết thửa đất số 614 tờ bản đồ số 143)	265	199	148	120
	Tuyến đường từ trung tâm xóm Lũng Cuối đi Chòm Xóm (từ thửa đất số 116 tờ bản đồ 138 đến hết thửa 395 tờ bản đồ 138)	265	199	148	120
	Tuyến đường liên xóm Bản Chang I - Bản Chang II - Nà Sài (từ thửa đất số 165 tờ bản đồ 162 đến hết thửa 161 tờ bản đồ 235)	265	199	148	120
	Tuyến đường liên xóm Bản Vàng - Nà Sài (từ thửa đất số 296 tờ bản đồ 179 đến hết thửa 106 tờ bản đồ 234)	265	199	148	120
	Tuyến đường liên xóm Khuổi Sáp - Khuổi Chuông (từ thửa đất số 38 tờ bản đồ 197 đến hết thửa 353 tờ bản đồ 214)	265	199	148	120
7	Xã Quảng Lâm				
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông huyện lộ từ đầu cầu treo xã Quảng Lâm đến giáp ranh xã Thạch Lâm	297	223	167	134
	Đường giao thông nội Xóm Bản Nà (Từ ngã ba chân dốc Xóm Bản Nà nhà ông Dương Văn Tài (thửa đất số 47, tờ bản đồ số 178) đến hết đoạn nhà ông Hoàng Văn Thành (thửa đất số 85, tờ bản đồ số 150) giáp nhà ông Hoàng Văn Đông)	297	223	167	134
	Từ đầu cầu xã Quảng Lâm đi hết đoạn đường nhà ông Lân Văn Phong (hết thửa số 100, tờ bản đồ 196).	297	223	167	134
	Tuyến đường từ nhà ông Hoàng Văn Lê (Báo Sông) (từ thửa đất số 35, tờ bản đồ 180 đi xóm Phiêng Mường đến hết đất địa giới hành chính xã Quảng Lâm giáp ranh xã Yên Phong, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang (do phát sinh đoạn đường tiếp theo)	297	223	167	134
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm Tổng Ngoảng đi xóm Tổng Chảo (từ thửa số 144, tờ bản đồ 133 đến hết thửa số 782, tờ bản đồ 61).	297	223	167	134
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm Tổng Ngoảng đến nhà văn hóa xóm Phiêng Phát (Từ đường rẽ nhà ông Lục Tuyên Ngôn (thửa đất số 30, tờ bản đồ số 133) xóm Tổng Ngoảng đến nhà văn hóa xóm Phiêng Phát)	297	223	167	134
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông liên xóm từ đầu cầu Pác Khuổi đến đầu cầu treo xóm Nặm Miông	297	223	167	134
8	Xã Nam Quang				
	Đất mặt tiền dọc đường giao thông thuộc xóm Tổng Phườn (tính từ thửa 183 tờ bản đồ số 88 đến hết thửa 392 tờ bản đồ 52)	311	233	175	140

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Nam Quang- xóm Đon Sài (hết thửa số 12 tờ bản đồ số 04) (Trừ đoạn đi qua xóm Tổng Phườn) mà ô tô đi lại được	265	199	148	120
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Nam Quang - hết đất nhà trường Pác Rôm	311	233	175	140
	Đất mặt tiền từ xóm Tổng Phườn (từ thửa 184 tờ bản đồ số 88) - Nặm Rôm (đến hết thửa số 182 tờ bản đồ số 22)	265	199	148	120
	Đoạn đường thuộc xã Tân Việt cũ				
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Nà Đẳng đến xóm Khuổi Hẩu (hết thửa đất số 35 tờ bản đồ số 66)	265	265	148	120
9	Xã Thạch Lâm				
	Đất mặt tiền xung quanh chợ Bản Luầy	311	233	175	140
	Tuyến đường từ đầu cầu cứng gần nhà ông Dương Văn Sơn (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 227) - xóm Tổng Dùn qua UBND xã đến đầu cầu cứng xóm Sác Ngà	311	233	175	140
	Tuyến đường từ ngã ba Sác Ngà (thửa đất số 92 tờ bản đồ 109) đi đến hết xóm Khau Noong (hết thửa đất số 133 tờ bản đồ số 70.)	311	233	175	140
	Tuyến đường từ ngã ba đầu cầu chợ Bản Luầy đi đến xóm Cốc Páp (hết thửa đất số 01 tờ bản đồ số 161)	311	233	175	140
10	Xã Thái Sơn				
	Đoạn đường từ đầu cầu cứng gần chợ (Từ thửa đất số 318 tờ bản đồ số 66) đến UBND xã Thái Sơn	265	199	148	120
	Đoạn đường từ giáp ranh xã Thái Học đến đầu cầu cứng gần chợ	265	199	148	120
	Đoạn đường từ UBND Xã Thái Sơn đến Trường THCS Thái Sơn	265	199	148	120
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ đi Nà Bả (trong xóm Nặm Trà) (từ thửa đất số 246 tờ bản đồ 98) theo đường đi trường tiểu học Lũng Trang đến hết địa giới hành chính xã Thái Sơn.	265	199	148	120
	Từ ngã ba Nà Nàng (từ thửa đất số 1 tờ bản đồ số 97) đi đến hết điểm trường Nà Bó	265	199	148	120
	Đoạn đường từ Trường Tiểu học Khau Dề tới xóm Bản Lìn (hết thửa 39 tờ bản đồ 64)	265	199	148	120
	Tuyến đường liên xóm Nặm Trà - Nà Bả (Từ thửa đất số 22 tờ bản đồ số 100 đến hết thửa 151 tờ bản đồ 89)	265	199	148	120
	Đoạn đường từ ngã ba gần Trường THCS Thái Sơn theo đường đi xóm Nà Nàng (từ thửa đất số 80 tờ bản đồ số 98) tới xóm Nà Lôm (đến hết thửa 9 tờ bản đồ 141)	265	199	148	120
11	Xã Nam Cao				
	Đoạn từ trường THCS Nam Cao đến dọc đường trung tâm chợ Phia Cọ (từ thửa đất số 89 đến hết thửa đất số 25 tờ bản đồ 137)	253	190	142	114

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Tuyến đường Phia Cọ - Bản Cao - Nà Mon (từ thửa đất số 25 tờ bản đồ 137) đi xã Ngọc Long thuộc tỉnh Hà Giang.	253	190	142	114
	Tuyến đường Phia Cọ đi 2 xóm Bản Bung - Phia Cò (thửa đất số 25 tờ bản đồ 137, đến thửa đất số 113 tờ bản đồ 174)	253	190	142	114
	Tuyến đường từ xóm Bản Bung (thửa đất số 6, tờ bản đồ 174) đi đến địa giới hành chính xóm Nà Nhuộm thuộc xã quản lý	253	190	142	114
	Tuyến đường từ xóm Phia Cọ đi 2 xóm Đoàn Kết - Nặm Đang (từ thửa đất số 25 tờ bản đồ 137 đến hết thửa đất số 23 tờ bản đồ 9)	253	190	142	114
12	Xã Thái Học				
	Đất mặt tiền từ trường Bán trú đến đầu cầu đi Yên Thổ	483	362	271	217
	Đất mặt tiền xung quanh khu vực chợ.	483	362	271	217
	Đất mặt tiền từ ngã ba giáp nhà ông Vũ Ngọc Pha (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 92) theo đường đi xã Thái Sơn đến đường rẽ lên trụ sở UBND xã Thái Học	483	362	271	217
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bản Pó (từ thửa đất số 01 tờ bản đồ số 36) đến Trường Bán trú Thái Học.	265	199	148	120
	Đất mặt tiền đường giao thông Bản Bó (từ thửa đất số 206 tờ bản đồ số 92) đi xã Thái Sơn đến hết địa giới xã Thái Học	225	169	127	101
II	Huyện Bảo Lạc				
	Xã Miền núi				
1	Xã Hồng Trị				
	Các vị trí đất mặt tiền từ tiếp giáp thị trấn Bảo Lạc theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã Hồng Trị (tiếp giáp xã Kim Cúc)	311	233	175	140
2	Xã Bảo Toàn				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 từ giáp xã Thượng Hà đến giáp xã Vĩnh Quang (huyện Bảo Lâm)	311	233	175	140
3	Xã Cô Ba				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô từ giáp ranh địa giới Thị trấn Bảo Lạc đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	265	199	148	120
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô (đường rẽ từ Nà Tao) đến đầu cầu vượt Sông Gâm và đoạn đường vượt qua đường ngầm vào mốc 589 (khe hồ nhảy)	265	199	148	120
4	Xã Cốc Pàng				
	Đất mặt tiền của đoạn đường từ suối Cốc Pàng đến trạm xá (đường đi Đức Hạnh) và đất mặt tiền xung quanh trung tâm chợ Cốc Pàng	412	309	231	185
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô từ đường rẽ từ đầu cầu bê tông xóm Cốc Pàng đi vào mốc 535	412	309	231	185

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Trụ sở UBND xã cũ đến đoạn đường rẽ đi xóm Nà Nộc (Khuổi Tăng cũ)	350	262	197	158
5	Xã Đình Phùng				
	Các vị trí đất mặt tiền của xã Đình Phùng dọc Quốc lộ 34 mới từ vị trí (giáp xã Huy Giáp) đến hết địa phận xã Đình Phùng (giáp xã Ca Thành huyện nguyên Bình).	311	233	175	140
	Đường tỉnh lộ 202 từ tiếp giáp Xã Yên Lạc (Huyện Nguyên Bình) đến hết địa phận xã Đình Phùng tiếp giáp xã Huy Giáp	265	199	148	120
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường đi Bản Chồi, đi xóm Phiêng Buồng. (Từ trục đường Quốc lộ 34 xóm Phiêng Châu 1 đến xóm Bản Buồng)	225	169	127	101
	Đoạn đường từ đầu cầu treo xóm Phiêng Châu I dọc theo đường giao thông nông thôn đến hết nhà máy thủy Điện Nậm Pắt	225	169	127	101
	Đoạn đường từ xóm Lũng Vài giáp xã Huy Giáp theo đường Quốc lộ 34 cũ đến hết địa phận xã Đình Phùng (giáp xã Yên Lạc huyện Nguyên Bình)	225	169	127	101
6	Xã Hồng An				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô đến trung tâm xã	225	169	127	101
7	Xã Huy Giáp				
	Đoạn đường nhà ông Đặng Phụ Tịnh xã Huy Giáp đến giáp ngã ba đường đi xã Xuân trường và các vị trí xung quanh chợ trung tâm và chợ nông sản xã Huy Giáp	483	362	271	217
	Đoạn đường từ cây xăng Bản Ngà (thuộc đất trung tâm cụm xã Huy Giáp) theo Quốc lộ 34 đi Cao Bằng đến hết địa phận Xã Huy Giáp, giáp xã Đình Phùng	483	362	271	217
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 34 lên Bản Ngà dọc theo đường 215 đến điểm trường Bản Ngà	483	362	271	217
	Đoạn đường từ ngã ba đi Pác Lũng rẽ đi đường xã Xuân Trường đến Trường bán trú xã Huy Giáp.	412	309	231	185
	Đoạn đường từ cây xăng Bản Ngà theo Quốc lộ 34 mới đến hết địa phận xã Huy Giáp (Giáp xã Hưng Đạo)	311	233	175	140
	Đường tỉnh lộ 202 đoạn từ tiếp giáp xã Đình Phùng qua địa phận xã Huy Giáp đến tiếp giáp xã Hưng Đạo.	311	233	175	140
8	Xã Hưng Đạo				
	Đất mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 từ trường trung học cơ sở xã Hưng Đạo đến cây đa trường tiểu học (cũ) và đất xung quanh chợ mới xã Hưng Đạo	350	262	197	158

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục Quốc lộ 34 mới đoạn từ tiếp giáp Trường THCS đến hết địa giới xã Hưng Đạo (giáp xã Huy Giáp) và đoạn từ cây đa xóm Bản Riễn đến hết địa giới xã Hưng Đạo (giáp xã Kim Cúc)	311	233	175	140
9	Xã Hưng Thịnh				
	Các vị trí đất mặt tiền từ ngã ba Kim Cúc lên đến hết xóm Khuổi Mực (cũ) thuộc xóm Khuổi Mực	265	199	148	120
10	Xã Kim Cúc				
	Các vị trí đất mặt tiền từ tiếp giáp xã Hồng trị theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã Kim Cúc (giáp xã Hưng Thịnh)	311	233	175	140
11	Xã Khánh Xuân				
	Các vị trí đất mặt tiền theo đường ô tô từ giáp ranh địa giới thị trấn (Pác Pẹt) đến trụ sở UBND xã	265	199	148	120
	Đoạn đường từ đầu cầu vượt Sông Gâm đến cầu ngầm vào mốc 589 (khe hổ nhảy)	265	199	148	120
12	Xã Phan Thanh				
	Các vị trí đất mặt tiền theo trục đường ô tô giáp ranh địa giới thị trấn đi đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	265	199	148	120
13	Xã Sơn Lập				
	Các vị trí đất mặt tiền dọc theo trục đường ô tô từ giáp Xã Sơn Lộ đến UBND Xã Sơn Lập	225	169	127	101
	Các vị trí đất trung tâm xã Sơn Lập	225	169	127	101
14	Xã Sơn Lộ				
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bản Tuồng qua UBND Xã đến giáp đất Bằng Thành - Pác Nặm	265	199	148	120
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Bản Tuồng theo đường Sơn Lập đến khe suối Bản Khuông và đất xung quanh chợ xã Sơn Lộ	265	199	148	120
	Đoạn từ ngã ba bản Khuông theo đường đi xã Hưng Thịnh đến điểm trường tiểu học cũ	265	199	148	120
15	Xã Thượng Hà				
	Đất mặt tiền từ xóm Pác Riệu (giáp Bảo Lạc) theo đường 217 đến giáp xã Cốc Pàng	311	233	175	140
	Đoạn đường từ tiếp giáp thị trấn Bảo Lạc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Thượng Hà (giáp xã Bảo Toàn).	311	233	175	140
16	Xã Xuân Trường				
	Đoạn đường từ chân dốc Ngâm Pá Thốc dọc Quốc lộ 4A đến Cẩm Bể	311	233	175	140
	Đoạn đường từ ngã ba truyền hình dọc theo tỉnh lộ 215 đến đập tràn Thua Tổng	311	233	175	140

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đất mặt tiền từ đầu cầu Nà Đàng đến xóm Khuổi Hẩu (hết thửa đất số 35 tờ bản đồ số 66)	265	265	148	120
III	Huyện Hà Quảng				
1	Xã Ngọc Đào				
	Các đoạn đường thuộc xã Đào Ngạn cũ				
	Đoạn từ đỉnh dốc Pá Deng theo trục đường chính qua xã đến hết nhà bà Vi Thị Nanh (hết thửa đất số 135, tờ bản đồ số 9) (xóm Đào Bắc)	394	296	221	177
	Các đoạn đường thuộc xã Phù Ngọc cũ				
	Từ đường Hồ Chí Minh theo đường vào cổng trường Trung học Phổ thông Nà Giàng đến cổng trường	807	606	454	363
	Từ trục đường chính Hồ Chí Minh rẽ vào chợ và xung quanh chợ	807	606	454	363
	Từ công nước (cua Cốc Đức) theo trục đường Hồ Chí Minh lên đến điểm mốc ranh giới thị trấn Xuân Hoà (dốc Kéo Mạ)	462	347	260	208
2	Xã Trường Hà				
	Đoạn từ tiếp giáp thị trấn Xuân Hoà theo đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến nhà ông Hoàng Văn Duy (thửa đất số 8, tờ bản đồ số 15, khu vực Bó Bầm)	462	347	260	208
	Từ sân Bào tàng Pác Bó theo đường nội vùng Pác Bó đến điểm trường Pác Bó	462	347	260	208
	Đoạn đường Nà Piài xóm Bản Hoong từ đầu nhà ông Bé Văn Sóng (thửa đất số 528, tờ bản đồ số 37) đến giáp biển báo đường vành đai biên giới	394	296	221	177
	Đoạn đường từ ngã ba đường vào trụ sở UBND xã Nà Sác cũ đến ngã ba Ngâm Sinh	394	296	221	177
3	Xã Sóc Hà				
	Đoạn trục đường chính từ nhà ông Nông Văn Ca (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 18) đến trạm liên hợp cửa khẩu	1,716	1,287	966	772
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh tiếp giáp với ruộng ông Nông Văn Quýnh (thửa đất số 224, tờ bản đồ số 26)) theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết ngã ba giáp xã Trường Hà	1,716	1,287	966	772
	Đoạn đường từ đường rẽ vào cầu Cốc Vương theo đường 203 cũ đến hết đất trường mẫu giáo xã	807	606	454	363
	Từ phòng khám đa khoa theo trục đường chính vào cửa khẩu đến nhà mầm non của xã	807	606	454	363
	Từ ngã ba trục chính đi vào cửa khẩu, rẽ vào chợ đến đầu cầu Pác Sào (cầu Pháp cũ) xóm Nà Nghiêng	807	606	454	363
	Đoạn từ phòng khám đa khoa theo trục đường Hồ Chí Minh đến hết địa phận xã Sóc Hà (giáp xã Trường Hà)	660	495	372	297
4	Xã Lương Can				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đường rẽ vào xóm Nà Sai cũ thuộc xóm Kim Đồng theo đường Lương Can - Trương Lương đến Pác Kéo xóm Dẻ Vai.	394	296	221	177
	Xã miền núi				
5	Xã Tổng Cột				
	Đoạn từ chợ Trâu bò (ngã ba rẽ vào Trường trung học cơ sở Tổng Cột) đến ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai, đường rẽ vào chợ và xung quanh chợ	462	347	260	208
	Đoạn từ chợ Trâu bò xuống đến hết Trường tiểu học	462	347	260	208
	Đoạn từ trường tiểu học theo Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Tổng Cột giáp xã Cô Mười (huyện Trùng Khánh)	394	296	221	177
	Từ ngã ba đường rẽ đi xã Sỹ Hai theo Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Tổng Cột	394	296	221	177
	Đường giao thông nông thôn Kéo Sỹ, Lũng Rỳ, Kéo Nhân, Lũng Giồng, Ngườm Luông	334	251	188	151
6	Xã Lũng Nặm				
	Từ chân dốc Lũng Đá theo Quốc lộ 4A đến trạm ngắt điện Bó Thon	462	347	260	208
	Từ ngã ba Bó Ngán đến ngã ba nhà văn hóa xóm Nặm Sắn (Nặm Nhũng Bản cũ) - Thín Tằng.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ ngã ba Bó Nhảo đến hết cống thoát nước gần nhà ông Hoàng Văn Đo (thửa đất số 129, tờ bản đồ số 10)	394	296	221	177
	Từ Húm Lũng Đá đến hết địa phận xã Lũng Nặm (cũ) giáp xã Kéo Yên (cũ).	334	251	188	151
	Đoạn từ Nặm Thuồm đến hết địa phận xã Lũng Nặm giáp xã Cải Viên	334	251	188	151
	Đoạn từ đường rẽ xuống xóm Tổng Pỏ đến hết địa phận xã Lũng Nặm	334	251	188	151
7	Xã Quý Quân				
	Từ đầu địa phận xóm Bản Láp đến cầu Lão Lường	297	223	167	134
	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã theo đường vào xóm Nà Pò (cũ) thuộc xóm Nà Pò	297	223	167	134
	Từ Trạm Y tế xã qua xóm Nà Pò đến Kéo Co Pheo (giáp thị trấn Xuân Hòa)	253	190	142	113
8	Xã Thượng Thôn				
	Từ ngã ba Lũng Mủm đến giáp đình dốc Lũng Táy; khu vực xung quanh chợ xã và trụ sở Ủy ban nhân dân xã	462	347	260	208
	Đoạn đường từ nhà ông Đàm Văn Hồng (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 63) xóm Nặm Giạt đi hết địa phận xã Thượng Thôn giáp xã Hồng Sỹ	394	296	221	177
	Đoạn đường từ đường liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ rẽ đi xóm Cả Giang đến phân trường Tiểu học xóm Cả	394	296	221	177

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Giang				
	Đường rẽ liên xã Thượng Thôn - Hồng Sỹ rẽ vào xóm Nậm Giạt đến nhà ông Liêu Văn Thi (hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 82)	394	296	221	177
9	Xã Nội Thôn				
	Đoạn từ Kéo Lắc Mạ theo Quốc lộ 4A đến hết nhà ông Hoàng Văn Sỳ (hết thửa đất số 67, tờ bản đồ số 110) (xóm Lũng Rì)	297	223	167	134
	Theo Quốc lộ 4A từ Kéo Lắc Mạ đến hết xóm Lũng Rại	253	190	142	113
	Đoạn giáp đường quốc lộ 4A đến Lũng Púng - nhà văn hóa xóm Lũng Chuổng	253	190	142	113
	Đoạn từ nhà Văn Hóa xóm Lũng Chuổng đến nhà văn hóa xóm Làng Lý	253	190	142	113
10	Xã Cải Viên				
	Đường giao thông liên xã từ ngã ba trường Trung học Cơ sở xã đến hết làng Dốc Nậm	297	223	167	134
	Đoạn đường từ làng Dốc Nậm theo đường liên xã đến hết địa phận xã Cải Viên - xã Vân An cũ	297	223	167	134
	Đoạn từ đình dốc xóm Lũng Pán đến trường tiểu học xã.	297	223	167	134
	Đoạn từ xóm Chông Mạ theo đường phân giới cắm mốc đến hết địa phận xã Cải Viên giáp xã Nội Thôn	253	190	142	113
11	Xã Hồng Sỹ				
	Đoạn đường trục chính từ ngã ba xóm Lũng Kính đi đến hết địa phận xã Hồng Sỹ giáp xã Thượng Thôn	297	223	167	134
	Các đoạn đường thuộc xã Sỹ Hai cũ				
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ (cũ) đoạn từ (Lũng Túp cũ đến hết xóm Ông Luộc cũ), thuộc xóm Lũng Quảng theo địa giới hành chính xã Sỹ Hai (cũ)	253	190	142	113
	Đường liên xã Sỹ Hai - Hồng Sỹ đoạn từ xóm Lũng Kính (xóm Kính Dưới cũ) đến hết địa phận xã Sỹ Hai (cũ)	253	190	142	113
12	Xã Mã Ba				
	Đoạn từ trụ sở UBND xã cũ theo tuyến đường Cả Póc - Lũng Niêng (Mạ Ràng cũ) đến nhà ông Nông Văn Hòi (hết thửa đất số 44, tờ bản đồ số 72)	297	223	167	134
	Đường liên xã Mã Ba - Quang Vinh từ nhà ông La Văn Thanh (thửa đất số 55, tờ bản đồ 28) đến hết địa phận xã Mã Ba	253	190	142	113
	Các đoạn đường thuộc xã Hạ Thôn cũ				
	Đoạn từ Trạm y tế theo đường liên xã đến hết làng Lũng Hủ (đoạn cua có cống nước)	297	223	167	134

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ nhà văn hóa xóm Kéo Nắm đến xóm Văn Thụ, xã Nam Tuấn, huyện Hòa An	253	190	142	113
13	Xã Đa Thông				
	Đoạn đường từ giáp địa giới thị trấn Thông Nông đến hết địa giới xã Đa Thông	418	314	235	188
	Đoạn đường từ đỉnh đèo Mã Quỳnh đến giáp ranh địa giới huyện Hoà An.	216	162	121	97
14	Xã Lương Thông				
	Đoạn đường từ nhà ông Trương Văn Lễ (thửa đất số 192, tờ bản đồ số 172) theo đường 204 đến hết địa phận xã Lương Thông	462	347	260	208
	Đất xung quanh chợ Lương Thông	462	347	260	208
	Đoạn đường rẽ từ ngã ba xóm Quang Trung 2 theo đường đi Nội Phan, thuộc xóm Hồng Thái đến hết địa giới xã Lương Thông (giáp xã Đa Thông)	260	195	146	117
	Đoạn đường rẽ từ trường THCS xã Lương Thông từ nhà ông Lê Văn Kiáng (thửa đất số 155, tờ bản đồ số 85) (Nà Vàng) đến hết địa phận xã Lương Thông	260	195	146	117
15	Xã Thanh Long				
	Khu vực đất xung quanh chợ	462	347	260	208
	Đoạn đường từ chân dốc Bản Đâu, xóm Tấp Ná đến Kéo Chả	462	347	260	208
	Đoạn đường từ ngã ba Gòi Phát theo đường đi xã Triệu Nguyên đến hết địa phận xã Thanh Long (giáp xã Triệu Nguyên, huyện Nguyên Bình).	260	195	146	117
	Đoạn đường từ Cốc Gạch đi Yên Sơn đến hết địa phận xã Thanh Long	260	195	146	117
16	Xã Càn Yên				
	Khu vực đất xung quanh chợ	394	296	221	155
	Từ mốc lộ giới xã Càn Yên đến mốc 626	394	296	221	155
	Các đoạn đường thuộc xã Vị Quang cũ				
	Đoạn đường từ ngã ba đường liên huyện đến đến trạm Y tế xã Vị Quang cũ	347	260	195	154
	Đoạn từ đầu cầu xóm Pác Khuổi theo đường liên huyện đi xã Càn Yên đến hết địa phận xã Vị Quang cũ (giáp xã Càn Yên cũ).	347	260	195	154
	Đoạn đường từ đầu cầu xóm Pác Khuổi theo đường liên huyện đi xã Sóc Hà đến hết địa phận xã Càn Yên	347	260	195	154
17	Xã Ngọc Động				
	Đoạn đường từ chân dốc Lũng Pằng theo đường đi UBND xã đến hết xóm Tàn Tó cũ, thuộc xóm Hòa Chung	385	289	217	174

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ nhà bà Lăng Thị Hà (thửa đất số 2, tờ bản đồ số 112) theo đường đi xã Thanh Long đến đường rẽ vào Trường Tiểu học Lũng Nhùng	385	289	217	174
18	Xã Yên Sơn				
	Đoạn từ ngã ba Cốc Rầy đến đường rẽ vào trường mầm non xóm Chọc Mòn 236 thuộc xóm Bình Minh	260	195	146	117
	Đoạn đường từ ngã ba Cốc Rầy đi xóm Phia Khao đến hết địa phận xã Yên Sơn	216	162	121	97
19	Xã Cản Nông				
	Tuyến đường giáp xã Cản Yên theo Quốc lộ 4A đi hết địa phận xã Cản Nông (giáp xã Xuân Trường, huyện Bảo Lạc)	393	295	221	186
IV	Huyện Hạ Lang				
	Xã trung du				
1	Xã Quang Long				
	Các vị trí đất mặt tiền đường Quốc lộ 4A (xóm Bó Chia).	483	362	271	217
	Các vị trí đất mặt tiền trong xóm Bó Chia đến Canh Nhan và Pác Sinh.	483	362	271	217
	Các vị trí mặt tiền từ Canh Nhan đến dốc Keng Sàng.	412	309	231	185
	Các vị trí đất mặt tiền đường GTNT từ Pác Sinh vào xóm Bó Chia	412	309	231	185
	Đoạn đường từ Keng Sàng đi Xa Lê - xóm Kỳ Lạc	412	309	231	185
2	Xã Thị Hoa				
	Đoạn đường từ Kéo Háng theo đường tỉnh lộ 207A đến cửa khẩu Hạ Lang	483	362	271	217
	Đoạn đường từ ngã ba UBND xã đến Kéo Rin (Co Mòi) (hết thửa đất số 43, tờ bản đồ 44)	483	362	271	217
	Các xóm ven đường Tỉnh lộ 207A (Tổng Nưa, Pò Măn, Phia Đán).	412	309	231	185
	Đoạn đường từ Kéo Rin (Co Mòi) (tiếp giáp thửa 43, tờ bản đồ 44) đến xóm Ngườm Già tiếp giáp xã Cô Ngân	412	309	231	185
	Đoạn đường vào các xóm trong xã (Bản Khu, Bản Nháng, Đông Cầu, Cốc Nhan, Thôm Quỳnh, Ngườm Già)	412	309	231	185
3	Xã Lý Quốc				
	Đoạn đường từ trường tiểu học Lũng Pấu (cũ) đến cửa khẩu Lý Vạn	483	362	271	217
	Các vị trí đất mặt tiền xung quanh chợ Bằng Ca	483	362	271	217
	Đoạn đường từ ngã tư lên chợ Bằng Ca theo đường QL 4A đi Hạ Lang đến nhà bà Chu Thị Lan (thửa đất số 37, tờ bản đồ 63)	483	362	271	217
	Đoạn đường từ ngã tư lên chợ Bằng Ca theo đường Tỉnh lộ 207 đi Lý Vạn đến ngã ba đường rẽ lên UBND xã.	483	362	271	217

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã tư lên chợ Bằng Ca theo đường QL 4A đi Minh Long đến hết ranh giới xã Lý Quốc.	483	362	271	217
	Đoạn từ điểm rẽ lên Trạm xá theo đường TL 206 cũ qua Trụ sở UBND xã đến đường TL 207.	483	362	271	217
	Các xóm Hợp Nhất, Bang Dưới, Bản Sao, Bản Khoòng, Lý Vạn	412	309	231	185
	Xã miền núi				
4	Xã Thống Nhất				
-	Các đoạn đường thuộc xã Việt Chu cũ				
	Từ tổ công tác biên phòng Pác Ty đến cột mốc biên giới.	483	362	271	217
	Đoạn đường ven đường tỉnh lộ 207A (tiếp giáp thị trấn Thanh Nhật đến hết thửa đất của ông Nông Văn Chiến Nà Ngườm (thửa đất số 68, tờ bản đồ số 03))	483	362	271	217
	Gồm các xóm ven đường tỉnh lộ 207A (Nà Đẳng - Tính, Nà Kéo, Bản Khau)	412	309	231	185
	Đoạn đường từ đường TL 207A đi các xóm: Bản Ngay (đến hết đất xã Thống Nhất), Đồng Nhất, Hợp Nhất	370	278	208	167
-	Các đoạn đường thuộc xã Thái Đức cũ				
	Đoạn đường các xóm ven Tỉnh lộ 207A	412	309	231	185
	Đoạn đường từ ngã ba Bó Khao đến Bản Dâu	350	262	197	158
	Đoạn đường từ Kênh Nghiều đến xóm Đoàn Kết.	350	262	197	158
5	Xã Đồng Loan				
	Gồm các xóm ven đường QL4A (Bản Thuộc, Đồng Thuận, Đồng Tâm, Đồng Tiến)	412	309	231	185
	Đường QL4A - Đồng Tiến	412	309	231	185
	Đoạn đường từ ngã ba đường QL4A rẽ vào Động Dơi đến chân đường lên Động Dơi	412	309	231	185
	Đường vành đai biên giới đoạn xóm Đồng Biên	370	278	208	167
	Đường liên xã từ QL4A rẽ vào xóm Đồng Thuận (Bản Nha cũ) đi Thắng Lợi	370	278	208	167
6	Xã An Lạc				
	Đoạn đường các xóm ven đường Tỉnh lộ 207	412	309	231	185
	Đường liên xã An Lạc - Đoài Dương (Trùng Khánh) từ cầu treo đến hết đất xã An Lạc	370	278	208	167
	Đường liên xã An Lạc - Kim Loan từ ngã ba Tha Hoài nhà ông Trịnh Văn Thanh (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 67) đến hết đất An Lạc	370	278	208	167
	Đường liên xã An Lạc - Vinh Quý từ ngã ba giáp đường TL207 đến hết đất An Lạc	370	278	208	167
	Đường vào đập thủy điện Nà Lòa từ ngã ba Tha Hoài đến cầu xóm Khọn Quang	370	278	208	167

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đường từ cầu xóm Khôn Quang đến Ngam Mạ (cũ), nay là xóm Khôn Quang, đến hết đường ô tô đi lại được	370	278	208	167
7	Xã Cô Ngân				
	Đường tỉnh lộ 208.	412	309	231	185
	Đường Cô Ngân - Thị Hoa	412	309	231	185
	Đoạn từ đường TL 208 (xóm Bản Nhôn) rẽ vào xóm Bản Nưa	370	278	208	167
	Đoạn từ đường Cô Ngân-Thị Hoa rẽ vào các xóm	370	278	208	167
8	Xã Đức Quang				
	Đoạn đường các xóm ven đường Quốc lộ 4A	412	309	231	185
	Đường Tỉnh lộ 208	412	309	231	185
	Đoạn từ đường QL 4A đi Bản Sùng đến hết đất xóm Đoàn Kết	412	309	231	185
9	Xã Kim Loan				
	Từ xóm Lũng Túng, Gia Lường đến xóm Quốc Phong	350	262	197	158
	Từ trụ sở UBND xã Kim Loan đến trường THCS Kim Loan.	350	262	197	158
10	Xã Minh Long				
	Đoạn đường các xóm ven trục đường Quốc lộ 4A	412	309	231	185
	Đường Lũng Đa (bờ sông biên giới)	412	309	231	185
	Đường giao thông liên xã Minh Long - Đồng Loan.	370	278	208	167
	Đường nội đồng xóm Nà Vị - Thông Thắng.	370	278	208	167
	Đường liên thôn xóm Nà Quẩn - Bản Suối.	370	278	208	167
11	Xã Thắng Lợi				
	Đoạn đường các xóm ven trục đường Quốc lộ 4A	412	309	231	185
	Đường Hùng Cầu	391	293	220	176
	Đường từ xóm Hùng Cầu đi Đức Quang	391	293	220	176
	Đường từ xóm Hùng Cầu đi Bồng Sơn (Chí Viễn, Trùng Khánh)	391	293	220	176
	Đường từ xóm Hùng Cầu đi xóm Đồng Tiến (xã Đồng Loan) đến hết địa giới xã Thắng Lợi	370	278	208	167
	Đường từ xóm Hùng Cầu (Rặc Giang cũ) đi Đồng thuận (Bản Nha cũ, xã Đồng Loan)	370	278	208	167
12	Xã Vinh Quý				
	Đường Tỉnh lộ 208	412	309	231	185
	Đoạn đường từ trạm y tế Vinh Quý đi xã Thống Nhất đến hết ranh giới xã Vinh Quý.	412	309	231	185
	Đường liên xã Vinh Quý - An Lạc đến hết đất Vinh Quý	370	278	208	167
V	Huyện Thạch An				
	Xã trung du				
1	Xã Lê Lai				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ giáp thị trấn Đông Khê theo Quốc lộ 34B đến hết làng Nà Keng.	462	347	260	208
	Đoạn đường từ giáp thị trấn Đông Khê theo đường Quốc lộ 4A đến hết làng Nà Ngải.	462	347	260	208
	Đoạn đường từ ngã ba Phai Kéo theo Quốc lộ 34B mới đến hết địa phận xóm Nà Cốc (Keng Vịt).	462	347	260	208
	Đoạn đường từ cuối làng Chộc Sòn (giáp địa giới thị trấn Đông Khê) theo đường đi Đức Long đến chân đèo Tu Hìn. (Quốc lộ 34B)	462	347	260	208
	Đoạn đường từ xóm Độc Lập (tiếp giáp Keng Vịt) theo đường Quốc lộ 34B mới đến hết địa phận xã Lê Lai (giáp xã Vân Trình).	394	296	221	177
	Đoạn đường từ giáp thị trấn Đông Khê đến hồ Nà Sloòng.	394	296	221	177
	Đoạn từ cuối làng Nà Keng theo đường Tỉnh lộ 209 đến hết làng Slằng Kheo.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ ngã ba Nà Keng đến hết làng Lũng Lãng.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba Nà Sloòng vào đến hết làng Lũng Buốt.	334	251	188	151
	Từ ngã ba Nà Keng (nhà bưu điện văn hóa xã) vào đến hết làng Nà Linh.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B theo đường bê tông vào hết xóm Độc Lập (giáp xóm Bản Cắm).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A rẽ trường Tiểu học Tân Việt, vào đến hết xóm Bản Cắm.	334	251	188	151
2	Xã Đức Xuân				
	Đoạn đường từ đầu làng Nà Tục (giáp thị trấn Đông Khê) theo Quốc lộ 4A đến giáp địa giới huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.	462	347	260	208
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ theo đường làng Khế Choòng đến nhà ông Đinh Văn Uy (thửa đất số 325, tờ bản đồ số 31) (xóm Nà Pá).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường đi xã Lê Lợi hết làng Pác Đông Khuổi Thán nhà ông Vi Văn Hải (Thửa đất số 18, Tờ bản đồ số 40)	334	251	188	151
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ vào hết làng Tục Ngã.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba sau trường Phổ thông cơ sở từ nhà bà Nông Thị Vui (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 26) qua xóm Nà Pá trên đến giáp đường đi xã Lê Lợi.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A rẽ vào hết làng Pác Khoang.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường vào làng Nà Tục đến hết làng Nà Chang (giáp địa giới thị trấn Đông Khê).	334	251	188	151

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ cầu Nà Chang rẽ vào hết làng Slòng Luông (tờ BĐ số 8, thửa đất số 50 nhà bà Nông Thúy Hòa đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 49, nhà ông Triệu Văn Đức).	334	248	188	151
	Đoạn đường từ cầu Nà Chang rẽ vào hết làng Lũng Pác Khoang (thửa đất số 50 tờ bản đồ số 8, nhà bà Nông Thúy Hòa đến hết thửa đất số 41, tờ bản đồ số 24 nhà ông Lê Văn Tiến).	334	248	188	151
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường đi xã Lê Lợi hết làng Nà Nhâng (thửa đất số 75, tờ bản đồ số 46, nhà ông Hoàng Đức Huynh đến hết thửa đất số 41, tờ bản đồ số 34, nhà ông Hoàng Văn Linh).	334	248	188	151
	Đoạn đường từ Quốc lộ 4A theo đường đi xã Lê Lợi hết làng Pác Lũng (thửa đất số 75, tờ bản đồ số 46, nhà ông Hoàng Đức Huynh đến hết thửa đất số 80, tờ bản đồ số 85, nhà ông Hoàng Văn Hôn).	334	248	188	151
3	Xã Đức Long				
	Đoạn đường từ Km 0 quốc lộ 34B theo đường trục chính đến hết Trạm phát sóng Vinaphone.	483	362	271	217
	Đoạn đường từ đầu xóm Đoàn Kết qua chợ (thửa đất số 158, tờ bản đồ số 66) đến trường tiểu học (thửa đất số 155, tờ bản đồ số 68)	394	296	221	177
	Đoạn Đường từ đầu xóm Thành Công theo đường đi cửa khẩu đến hết làng Bản Mới.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ đầu làng Đoòng Đeng theo đường đi Đông Khê đến hết làng Bản Ngén.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ giáp ranh địa giới hành chính xã Đức Long với xã Danh Sỹ theo đường Đông Khê - cửa khẩu Đức Long (QL34B) đến hết làng Bản Viện.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ Trạm phát sóng Vinaphone (QL34B) theo đường vành đai biên giới đến mốc 60 tiếp giáp tỉnh Lạng Sơn.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ đầu xóm Đoàn Kết rẽ vào theo đường đi Khuổi Cáp xã Thụy Hùng đến hết xóm Thành Công.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B tại Khau Lùng đến đầu nối với đường Quốc lộ 4A tại Bắc Quảng.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba đường Trục chính cửa khẩu Đức Long (Quốc lộ 34B) theo đường đi xã Mỹ Hưng, huyện Phục Hoà đến ngã ba đường bê tông từ nhà ông Liên Văn Thắng (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 90) vào đến xóm Lũng Niêng.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B nhà ông Liên Văn Thắng (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 90) vào đến hết xóm Lũng Niêng.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B theo đường bê tông rẽ vào đến hết xóm Bản Vì.	334	251	188	151

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Đàm Văn Hiệp theo đường bê tông đến hết đất nhà ông Ngôn Văn Công, xóm Bản Nghèn (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 13)	334	251	188	151
	Đoạn đường từ hết làng Bản Nghèn theo đường bê tông đi xã Thụy Hùng đến hết địa giới xã Đức Long (giáp ranh ba xã Đức Long, Danh Sỹ, Thụy Hùng).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 đi Nà Mô Pắc Khoang.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ QL 34B đi chân núi Báo Đông.	334	251	188	151
	Đoạn đường nội đồng từ ngã ba rẽ vào nhà ông Đinh Văn Dựng đến hết Thông Tầu xóm Thành Công.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ đầu làng Thành Công giáp xóm Bản Viện theo Quốc lộ 34b đến Keng Han (tờ bản đồ 66 thửa 208 đến hết thửa đất 206 tờ bản đồ 55)	334	251	188	151
4	Xã Kim Đồng				
	Đoạn đường xung quanh chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	550	413	309	248
	Đoạn đường từ nhà ông Lương Văn Lai (Nà Vai) (thửa đất số 155, tờ bản đồ số 116) theo Quốc lộ 43B (đường đi Cao Bằng) đến ngã ba đường đi xã Đức Thông.	550	413	309	248
	Đoạn đường theo Quốc lộ 34B còn lại.	550	413	309	248
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B rẽ đến hết nhà ông Hoàng Minh Hoan xóm Nà Khao (hết thửa đất số 113, tờ bản đồ số 172).	394	296	221	177
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B rẽ đến hết nhà ông Triệu Văn Ta, xóm Nà Vai (hết thửa đất số 22, tờ bản đồ số 113).	394	296	221	177
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 34B đi xóm Nặm Nà đến cầu Búng Kít thuộc xóm Nà Vai.	394	296	221	177
	Đoạn rẽ từ Quốc lộ 34B đi xóm Nặm Nà đến hết nhà ông Nông Xuân Trường, xóm Nặm Nà (hết thửa đất số 37, tờ bản đồ số 77).	394	296	221	177
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B đi xóm Nặm Nàng đến hết đất nhà ông Triệu Văn Phúc xóm Nặm Nàng (thửa đất số 07, tờ bản đồ số 163).	394	296	221	177
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B đi xóm Nà Ngừm, Nà Chàm, Bó Pia đến hết đất nhà ông Vương Văn Thanh, xóm Chu Lăng, Bó Chàm (thửa đất số 18, tờ bản đồ số 17).	394	296	221	177
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B đi xóm Xuân Thắng đến hết nhà ông Mông Vương Đức Hợp (hết thửa đất số 58, tờ bản đồ số 62).	394	296	221	177
5	Xã Vân Trình				
	Đoạn đường từ trường Phổ thông Cơ sở đến hết nhà bưu điện văn hóa xã (chợ Thôm Bon cũ).	462	347	260	208

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ trường Phổ thông Cơ sở xã theo đường đi Đông Khê (QL34B) đến đầu làng Bó Đường (giáp địa giới xã Lê Lai).	394	296	221	177
	Đoạn đường từ sau nhà bưu điện văn hóa xã (Quốc lộ 34B) đến hết xóm Phác Sliền (từ thửa đất số 137, tờ bản đồ số 55 đến hết thửa đất số 43, tờ bản đồ số 20).	394	296	221	177
	Đoạn đường từ đầu làng Lũng Xóm đến hết làng Khưa Pát.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ Đán Căng (Bó Đường) đến hết xóm Hồng Sơn (từ thửa đất số 38, tờ bản đồ số 77 đến hết thửa đất số 2, tờ bản đồ số 48).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B đến nhà văn hóa xóm Nà Ảng (từ thửa đất số 270, tờ bản đồ số 55 đến hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 72).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B theo đường vào làng Phác Sliền đến hết đất nhà ông Bế Ngọc Huân (thửa đất số 153, tờ bản đồ số 73)	334	251	188	151
	Đoạn đường từ nhà ông Vương Văn Yên xóm Bản Cấn (tờ bản đồ số 45, thửa đất số 58) đến hết thửa đất số 186, tờ bản đồ số 25	334	251	188	151
	Đoạn đường sau nhà Ông Nông Văn Tuyển, xóm Bản Cấn (tờ bản đồ số 47, thửa đất số 34) đến hết nhà ông Nông Văn Đại, xóm Nà Tán (hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 49).	334	251	188	151
-	Các đoạn đường thuộc xã Thị Ngân cũ				
	Các vị trí đất mặt tiền khu xung quanh trụ sở UBND xã (UBND xã Thị Ngân cũ).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ Trụ sở UBND xã đến hết xóm Bản Cấn	301	226	169	135
	Đoạn đường từ Nà Kha Kéo (nhà ông Nguyễn Quốc Thanh, thửa đất số 275, tờ bản đồ số 36) xóm Bản Cấn đến hết đất nhà bà Lộc Thị Sông (hết thửa đất số 74, tờ bản đồ số 30) xóm Bản Muồng (đường Phiêng Chang - Bản Muồng).	301	226	169	135
	Xã miền núi				
6	Xã Canh Tân				
	Đoạn đường xung quanh chợ Đông Muồng và trụ sở UBND xã (từ thửa đất số 30, tờ bản đồ số 20 đến hết thửa đất số 138, tờ bản đồ số 19)	440	330	248	198
	Đoạn đường từ chợ Đông Muồng theo tỉnh lộ 209 đến hết Trường Phổ thông cấp II, III Canh Tân (từ thửa đất số 01, tờ bản đồ số 24 đến hết thửa đất số 167, tờ bản đồ số 35)	394	296	221	177
	Đoạn đường từ chợ Đông Muồng theo tỉnh lộ 209 đến hết làng Pác Pên (từ thửa đất số 18, tờ bản đồ số 12 đến hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 11)	394	296	221	177

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ Trường Phổ thông cấp II, III đến hết xóm Tân Hoà (từ thửa đất số 16, tờ bản đồ số 42 đến hết thửa đất số 120, tờ bản đồ số 51)	334	251	188	151
	Đoạn đường từ đường Đông Muồng - Trường Phổ thông cấp II, III vào xóm Tân Thành (từ thửa đất số 78, tờ bản đồ số 42 đến hết thửa đất số 136, tờ bản đồ số 55)	334	251	188	151
	Đoạn đường từ Trường cấp 1 + 2 Canh Tân theo đường liên xã Canh Tân - Đức Thông đến giáp địa giới hành chính xã Đức Thông (từ thửa đất số 176, tờ bản đồ số 55 đến hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 119).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã 3 Pò Khương đi xóm Tân Hợp đến hết nhà ông Triệu Văn Phúng (từ thửa đất số 183, tờ bản đồ số 55 đến hết thửa đất số 30, tờ bản đồ số 48).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã 3 Phai Sliếng đến hết đình Khau Ấc, giáp địa giới hành chính xã Kim Đồng (từ thửa đất số 22, tờ bản đồ số 93 đến hết thửa đất số 26, tờ bản đồ số 99).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã 3 Phai Sliếng đến hết khu Nà Chia, xóm Tân Tiến (từ thửa đất số 03, tờ bản đồ số 100 đến hết thửa đất số 255, tờ bản đồ số 100).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã 3 Khuổi Hoỏng đến hết khu Khuổi Văm, xóm Tân Hồng (từ thửa đất số 90, tờ bản đồ số 89 đến hết thửa đất số 12, tờ bản đồ số 116).	334	251	188	151
7	Xã Đức Thông				
	Đoạn đường xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	297	223	167	134
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết trường Phổ thông Cơ sở (Pò Diễm).	297	223	167	134
	Đoạn đường từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết làng Nà Pò.	297	223	167	134
	Đoạn từ ngã 3 nhà ông Nguyễn Thế Khôi (thửa đất số 33, tờ bản đồ số 83) theo đường đi Pò Khoang đến giáp đường Tỉnh lộ 209.	297	223	167	134
	Đoạn đường từ Trường phổ thông cơ sở xã đến hết làng Nà Mềng cũ thuộc xóm Tân Tiến.	253	190	142	114
	Đoạn đường từ đầu xóm Kéo Quý cũ đến cuối xóm Sộc Coóc (cũ) thuộc xóm Kéo Quý.	253	190	142	114
	Đoạn đường từ cuối xóm Kéo Quý theo đường Đức Thông - Trọng Con đến giáp địa giới hành chính xã Trọng Con.	253	190	142	114
	Đoạn đường từ ngã ba cầu Pò Chiêu đi xóm Tân Tiến đến hết đất nhà ông Triệu Văn Đụn (hết thửa đất số 272, tờ bản đồ số 34).	253	190	142	114

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ cuối xóm Tân Tiến, nhà ông Ma Văn Minh (thửa đất số 77, tờ bản đồ số 34) đến hết địa giới hành chính xã Đức Thông.	216	162	121	97
	Đoạn đường từ đầu xóm Cầu Lặn đến cuối xóm Cầu Lặn	216	162	121	97
	Đoạn đường từ ngã ba theo đường vào xóm Tân Tiến đến nhà ông Nông Văn Giáp (hết thửa đất số 75, tờ bản đồ số 11).	216	162	121	97
	Đoạn đường từ Trường học Pò Diễm theo đường liên xã Đức Thông - Trọng Con đến giáp địa giới hành chính xã Canh Tân.	216	162	121	97
	Đoạn đường từ ngã 3 nhà ông Nông Văn Thắng (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 53) theo đường liên xã Đức Thông - Kim Đồng đến hết làng Nà Pò.	216	162	121	97
8	Xã Lê Lợi				
	Đoạn đường từ Nhà ông Nông Văn Tàng (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23) đến cổng trường trung học cơ sở xã.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ đầu làng Nà Nưa đến nhà ông Nông Văn Tàng (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 23)	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã 3 Nà Queng đến hết nhà văn hóa thôn Nà Tậu 1.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã 3 giáp ranh nhà ông Mùi Quý Chuyên (thửa đất số 446, tờ bản đồ số 17) đến hết đoạn đường qua nhà ông Đinh Văn Giám thôn Nà Tậu 2.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba Đông Luông đến hết thôn Nà Niếng.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ cổng trường trung học cơ sở xã đến cụm dân cư thôn Đoòng Mu.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ đỉnh dốc Keng Sliền đến đỉnh dốc Keng Kéo Slàng.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ đỉnh dốc Kéo Slàng đến hết thôn Sliền Ngoại.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Luyến (thửa đất số 98, tờ bản đồ số 28) đến đỉnh dốc Keng Sliền.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ làng Chộc Chẳng ngoài vào đến hết làng Bản Đâu (Chộc Chẳng trong) (từ thửa đất số 63, tờ bản đồ số 44 đến hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 45).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ làng Pác Deng ngoài vào đến hết làng Pác Deng trong (từ thửa đất số 47, tờ bản đồ số 42 đến hết thửa đất số 126, tờ bản đồ số 50).	334	251	188	151
	Đoạn đường liên xã Danh Sỹ - Lê Lợi đi qua thôn Bản Bung xã Lê Lợi (từ thửa đất số 178, tờ bản đồ số 13 đến hết thửa đất số 46, tờ bản đồ số 20).	334	251	188	151
-	Các đoạn đường thuộc xã Danh Sỹ cũ				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ chân đèo Tu Hìn theo đường cửa khẩu Đức Long (QL34B) đến hết làng Bản Pằng.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ đường Đông Khê - Đức Long (QL34B) rẽ vào hết làng Bản Bung.	354	266	199	160
	Đoạn đường từ ngã Bản Pằng (QL34B) đến trụ sở UBND xã Danh Sỹ cũ.	354	266	199	160
	Đoạn đường từ đầu đường Nà Vài đến hết làng Pác Chủ.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ làng Pác Chủ vào hết làng Bản Nhận.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ xóm Bản Nhận vào đến hết xóm Chọc Chằng cũ thuộc xóm Bản Nhận	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba đường nối tỉnh lộ 208 cũ (nay là quốc lộ 4A) (đỉnh Bắc Quảng) theo đường đi cửa khẩu Đức Long	334	251	188	151
9	Xã Thái Cường				
	Đoạn đường thuộc Tỉnh lộ 219.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ ngã ba Khuổi Chủ theo Quốc lộ 34B đến hết làng Tềm Tăng.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ Hang Kỵ (cầu Sập) đến hết làng Nà Luông.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ đỉnh Khau Khoang đến hết phân trường Tềm Tăng.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ Khau Khoang (tỉnh lộ 219) đến nhà ông Hồng, xóm Tềm Tăng (Giả Mỵ cũ).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba Nà Khiếm, thôn Nà Luông đến hết thôn Phiêng Un (từ thửa đất số 01, tờ bản đồ số 38 đến hết thửa đất số 42, tờ bản đồ số 25).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba Pò Lùng (xóm Lũng Noọc) tờ bản đồ số 62, thửa số 9 đến Lũng Nạn (xóm Pác Han) đến hết thửa đất số 26, tờ bản đồ số 33,	334	251	188	151
	Đoạn đường từ Cốc Cọ (xóm Lũng Noọc) tờ bản đồ số 2, thửa số 484 đến Mạ Lạp (xóm Khuổi Kện) đến hết thửa đất số 89, tờ bản đồ số 79	334	251	188	151
	Đoạn đường Nà Vền (Nà Luông) đến Cốc Chia (Khuổi Ngáng) tờ bản đồ số 47, thửa đất số 284; đến hết thửa đất số 80, tờ bản đồ số 57	334	251	188	151
10	Xã Quang Trọng				
	Đoạn đường xung quanh chợ, nhà trường, trụ sở Ủy ban nhân dân xã.	297	223	167	134
	Từ chợ Pò Bấu theo đường đi Cao Bằng đến giáp địa giới xã Minh Khai.	253	190	142	114
	Đoạn đường từ Cầu tràn Vằng Poông đến hết làng Nà Hét.	253	190	142	114
	Đoạn đường từ Bó Đeng đến giáp địa giới hành chính xã Đoàn Kết, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.	253	190	142	114

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường đầu làng Nà Phạc, xóm Tân Hòa đến Cổng Trời.	216	162	121	97
	Đoạn đường từ ngã 3 Pác Dạng đến Pò Làng.	216	162	121	97
	Đoạn đường từ ngã 3 Nà Phạc đến Nà Giàn, xóm Tân Hòa.	216	162	121	97
	Đoạn đường rẽ từ Cổng trời đến hết làng Nà Púng (Tân Lập).	216	162	121	97
	Đoạn đường từ ngã 3 Nà Cong đến hết làng Khuổi Kiềng, xóm Hòa Thuận.	216	162	121	97
11	Xã Minh Khai				
	Đoạn đường xung quanh chợ và trụ sở UBND xã, trường Phổ thông cơ sở (thửa đất số 215 tờ bản đồ số 109 đến hết thửa đất số 47, tờ bản đồ số 109,).	297	223	167	134
	Đoạn đường từ chợ Nà Kẽ đến hết làng Nà Đải (thửa đất số 215 tờ bản đồ số 109, đến hết thửa đất số 75, tờ bản đồ số 140).	297	223	167	134
	Đoạn đường từ chợ Nà Kẽ đến hết nhà ông Nông Văn Khôn, xóm Nà Sèn (từ thửa đất số 47, tờ bản đồ số 109 đến hết thửa đất số 68, tờ bản đồ số 65).	297	223	167	134
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Khôn (xóm Nà Sèn) đến hết nhà bà Lương Thị Đàm (xóm Nà Đoòng) (từ thửa đất số 68, tờ bản đồ số 65 đến hết thửa đất số 57, tờ bản đồ số 21).	253	190	142	114
	Đoạn đường từ nhà bà Lương Thị Đàm (Nà Đoòng) đến hết nhà ông Lương Văn Bầu (Pích Ca) (tờ bản đồ số 21, thửa đất số 57 đến hết thửa đất số 26, tờ bản đồ số 11)	253	190	142	114
	Đoạn đường từ nhà ông Lương Văn Bầu (Pích Ca, Pác Nặm) theo đường Tỉnh lộ 209 đến giáp địa giới xã Canh Tân (Kéo Khuổi Sáng) (tờ bản đồ số 11, thửa đất số 26 đến tờ bản đồ số 03 (lâm nghiệp), thửa đất số 16).	253	190	142	114
	Đoạn đường từ đường Tỉnh lộ 209 vào làng Khau Sliềm tờ bản đồ số 03 (lâm nghiệp), thửa đất số 122, đến thửa số 135), tờ bản đồ số 03.	216	162	121	97
12	Xã Thụy Hùng				
	Đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã và trường Phổ thông Cơ sở.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ khu dân cư Lò vôi theo đường Quốc lộ 4A đến hết làng Ka Liêng (giáp địa giới huyện Phục Hòa).	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A (nhà ông Huân (thửa đất số 17 tờ bản đồ số 18) theo đường đi qua Nà Lít đến hết Nà Én thuộc xóm Bản Nég.	334	251	188	151

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba Lũng Đầy đường Quốc lộ 4A đi qua làng Khuổi Cáp đến hết làng Bản Luồng.	301	226	169	135
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A đi qua xóm Khưa Dí (cũ) thuộc xóm Ca Liêng đến hết làng Phia Nhọt nay thuộc xóm Khuổi Cáp, xã Thụy Hùng.	301	226	169	135
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A nhà ông Hà Khải Hoàn (thửa đất số 532, tờ bản đồ số 27) vào đến gốc cây Đa, xóm Bản Nég	301	226	169	135
	Đoạn đường từ ngã 3 Pác Nám, xã Thụy Hùng - Đường đi Đức Long đến hết làng Pác Nám	301	226	169	135
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A, Lò Vôi - làng Pác Nám (xóm Khuổi Cáp)	301	226	169	135
	Đoạn đường từ trường Tiểu học xã Thụy Hùng vào đến hết làng Bản Siễn	301	226	169	135
13	Xã Trọng Con				
	Đoạn đường từ ngã ba Quốc lộ 34B (Cạm Tắm) đến đầu cầu làng Nà Lặng.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ ngã ba làng Nà Mản đến hết làng Bản Chang (trường Phổ thông Cơ sở xã).	394	296	221	177
	Đoạn đường xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã cũ.	334	251	188	151
	Đoạn đường từ Nà Lặng đến đầu cầu Nà Phai, xóm Nam Quang	301	226	169	135
	Đoạn đường từ đầu cầu Nà Lặng theo đường tỉnh lộ 209 đến Cạm Khàng (Giáp xã Đức Thông)	301	226	169	135
	Đoạn đường liên xã Nam Quang - Vĩnh Quang - Cạm Khàng - Đức Thông.	301	226	169	135
	Đoạn đường cuối làng Bản Chang (ngã ba Nhà ông Mai (thửa đất số 111, tờ bản đồ số 86) đến Nhà VH xóm Nà Pi)	301	226	169	135
	Đoạn đường từ đầu Cầu Nà Lặng - hết làng Pò Lải (Giáp Thái Cường).	301	226	169	135
	Đoạn từ nhà văn hóa Nà Pi - Cốc Xả (thửa đất số 34, TBD 184 nhà ông Triệu Văn Phin)	301	226	169	135
	Đoạn từ nhà văn hóa Nà Pi - hết làng Khuổi Slàn (nhà ông Hoàng Văn Men Nà Pi)	301	226	169	135
	Đoạn đường cuối Lũng Hòm (xã Lê Lai) đến ngã ba nhà ông Nông Minh Đức Bản Chang	301	226	169	135
	Đoạn đường từ nhà ông Hoàng Văn Thủ (xóm Nà Ngải cũ) đến hết đường Khuổi Phấu xóm Nam Quang	301	226	169	135
	Ngã ba cầu Pác Tàu đến Bản Nghèo xóm Nam Quang.	301	226	169	135
VI	Huyện Trùng Khánh				
	Xã Trung du				
1	Xã Đoài Dương				
	Các đoạn đường thuộc xã Thông Huề cũ				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Hai đoạn đường từ ngã ba tiếp giáp đường tỉnh lộ 206 và đường tránh (phía Bản Cưởm) theo đường tỉnh lộ 206 đi Trùng Khánh và theo đường mới qua cầu tránh phố Thông Huê đến gặp ngã ba giữa đường tỉnh lộ 206 và đường tránh (tại phố Thông Huê).	462	347	260	208
	Các khu đất có mặt tiền xung quanh chợ Thông Huê.	462	347	260	208
2	Xã Đức Hồng				
	Đoạn đường từ giáp ranh địa giới giữa xã Đức Hồng và xã Đoài Dương, theo đường tỉnh lộ 206 đến hết ngã ba đường tỉnh lộ 206 và đường liên xã Đức Hồng - Trung Phúc (đoạn rẽ vào xóm Pác Rao).	462	347	260	208
	Các đoạn đường thuộc xã Cảnh Tiên cũ				
	Đoạn đường từ giáp ranh thị trấn Trùng Khánh theo đường tỉnh lộ 206 cũ và theo đường tránh thị trấn đến hết ngã ba đường tỉnh lộ 206 và đường liên xã Đức Hồng - Trung Phúc (đoạn rẽ vào xóm Pác Rao)	578	433	325	260
3	Xã Chí Viễn				
	Đoạn đường từ ngã ba đường tránh (đối diện đường vào trường cấp III Chí Viễn) từ nhà ông Nông Văn Tích (thửa đất số 276, tờ bản đồ số 76) theo đường tỉnh lộ 206 cũ qua chợ Pò Tấu, đến ngã ba đường tránh mới cây xăng sơn thủy (thửa đất số 425, tờ bản đồ số 77)	462	347	260	208
	Các khu đất có mặt tiền xung quanh chợ Pò Tấu.	462	347	260	208
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Pò Tấu theo đường Tỉnh lộ 208 đến hết địa phận xã Chí Viễn”	304	228	171	137
4	Xã Phong Châu				
	Đoạn đường từ giáp ranh địa giới thị trấn Trùng Khánh, theo đường Quốc lộ 4A đến hết địa phận xã Phong Châu (giáp xã Chí Viễn).	462	347	260	208
5	Xã Đàm Thủy				
	Đoạn từ cổng đồn Biên phòng Đàm Thủy theo trục đường Quốc lộ 4A, đến ranh giới giáp huyện Hạ Lang (thửa đất số 51, tờ bản đồ số 81).	462	347	260	208
6	Xã Ngọc Côn				
	Đoạn từ cây xăng dầu đầu làng Pò Peo đi theo đường 213 đến hết chợ cửa khẩu Pò Peo và các khu đất mặt tiền xung quanh chợ Pò Peo.	462	347	260	208
7	Xã Cao Chương				
	“Đoạn đường theo đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường 205 cũ) từ Trạm Kéo Nạc đến ngã ba đường rẽ vào Trường Mầm non Cao Chương (thuộc xóm Nà Ý)	572	429	322	257

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường theo đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường 205 cũ) từ ngã ba đường rẽ vào Trường Mầm non Cao Chương (thuộc xóm Nà Ý) đến ngã ba đường rẽ vào Trường Tiểu học và THCS Cao Chương (thuộc xóm Tài Nam 2	572	429	322	257
	Đoạn đường theo đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường 205 cũ) từ ngã ba đường rẽ vào Trường Tiểu học và THCS Cao Chương (thuộc xóm Tài Nam 2) đến Km số 3 (thuộc xóm Tài Nam 2)”	572	429	322	257
	Xã Miền Núi				
8	Xã Lăng Hiếu				
	Đoạn đường từ giáp ranh địa giới thị trấn Trùng Khánh, theo đường 211 đi thị trấn Trà Lĩnh, đến đường rẽ vào xóm Hiếu Lễ (sát nhà bà Lý Thị Tơ, thửa đất số 17, tờ bản đồ số 46).	578	433	325	260
9	Xã Đình Phong				
	Đoạn đường từ Trường Mầm non Đình Phong đến hết xóm Bản Luông - Nà Sa và xóm Giộc Giao (giáp xã Chí Viễn)	304	228	171	137
10	Xã Khâm Thành				
	Đoạn đường từ tiếp giáp thị trấn Trùng Khánh theo đường tỉnh 213 đến cầu Tắc (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 59 - ông Chu Thanh Thái, xóm Bản Mới)	462	347	260	208
	Đoạn đường từ ranh giới thị trấn Trùng Khánh theo đường liên xã đi xã Ngọc Chung (cũ) đến dốc Keng Păng giáp xã Khâm Thành (xã Ngọc Chung cũ)	420	315	236	189
	“Đoạn đường từ Cầu Tắc (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 59) theo đường tỉnh 213 đến dốc Keng Si (hết địa giới xã Khâm Thành)	358	269	201	161
-	Các đoạn đường thuộc xã Ngọc Chung cũ				
	Đoạn từ dốc Keng Păng tiếp giáp xã Khâm Thành đi theo đường đến ngã ba có đường rẽ vào xóm Giộc Vung (nhà ông Tô Văn Công - thửa đất số 296, tờ bản đồ số 88)	358	269	201	161
	Đoạn từ nhà ông Tô Văn Công (thửa đất số 296, tờ bản đồ số 88) theo đường đi Nặm Thúm đến hết địa phận xã Khâm Thành	304	228	171	137
11	Xã Quang Hán				
	Đoạn đường theo đường Quốc lộ 4A từ xóm Vững Bền đến bia tường niệm.	572	429	322	257
12	Xã Quang Trung				
	Đường khu vực trung tâm chợ xã Quang Trung	462	347	260	208
	Theo Quốc lộ 4A từ Km13 đến đỉnh đèo Kéo Quang, xóm Thôn Ga.	462	347	260	208
13	Xã Xuân Nội				
	Đoạn đường khu vực trung tâm UBND xã Xuân Nội.	394	296	221	177

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
VII	Huyện Hòa An				
	Xã Đồng bằng				
1	Xã Đức Long				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ đầu cầu Nà Coóc đến cổng Trường Trung học cơ sở Đức Long.	970	727	546	437
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ cổng Trường Trung học cơ sở Đức Long đến ngã ba Thông Nông - Hà Quảng.	755	567	425	340
	Đoạn đường từ ngã ba Thông Nông- Hà Quảng theo đường Tỉnh lộ 204 đến hết địa giới xã Đức Long (giáp xã Dân Chủ).	642	482	362	289
	Xã trung du				
2	Xã Dân Chủ				
	Đoạn đường từ giáp địa phận xã Đức Long đến đầu cầu Mỏ Sắt	462	347	260	208
3	Xã Hồng Việt				
	Đoạn đường từ nhà ông Hà Vũ Chuyên (phía trên nương), xóm Dẻ Đoóng qua Lam Sơn đến hết địa phận xã Hồng Việt (giáp xã Hoàng Tung)	394	296	221	177
	Các đoạn đường thuộc xã Bình Long cũ				
	Đoạn đường (mà ô tô đi lại được) rẽ đi xóm Bình Long; đường 204 cũ rẽ vào xóm Thanh Hùng; đường 216 rẽ vào xóm Pác Cam, xóm Pác Gậy	358	269	201	161
	Đoạn đường 216 giáp Thị trấn Nước Hai theo đường 216 đến hết địa giới xã Hồng Việt (giáp xã Trương Lương).	394	296	221	177
4	Xã Nam Tuấn				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh liên huyện từ xã Đức Long qua xã Nam Tuấn đến xã Ngọc Đào huyện Hà Quảng	768	576	432	346
5	Xã Hoàng Tung				
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn theo đường đi Nguyên Bình tính cách cầu 200m; theo đường về thành phố tính cách cầu 200m.	701	526	395	316
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn + 200 m theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Hoàng Tung (giáp xã Hưng Đạo).	504	378	283	227
	Đoạn đường từ đầu cầu Bản Tấn + 200 m theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới xã Hoàng Tung (giáp xã Minh Tâm - Nguyên Bình).	504	378	283	227
	Đoạn đường từ xóm Bản Tấn qua Hào Lịch đến khu di tích Nậm Lìn (giáp xã Hồng Việt).	462	347	260	208
	Đoạn đường từ cầu đầu làng Bến Đò đến xóm Na Lữ.	462	347	260	208
	Xã miền núi				
6	Xã Hồng Nam				
	Đoạn đường từ địa phận giáp xã Chu Trinh, thành phố Cao Bằng qua UBND xã Hồng Nam đến hết địa phận xã Hồng Nam giáp xã Vân Trinh, huyện Thạch An.	334	251	188	151

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
7	Xã Bạch Đằng				
	Đoạn đường từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới xã Bạch Đằng (giáp huyện Nguyên Bình).	394	296	221	177
	Đoạn đường từ đầu cầu Tài Hồ Sìn + 200m theo Quốc lộ 3 về thành phố đến đường rẽ vào Bản Sắng.	430	323	241	193
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ đi Bản Sắng, Tài Hồ Sìn đến trụ sở UBND xã Bạch Đằng.	394	296	221	177
8	Xã Đại Tiến				
	Đoạn đường từ giáp địa giới thị trấn Nước Hai đi qua xã Đại Tiến đến chân đèo đường rẽ lên xã Đức Xuân cũ	394	296	221	177
9	Xã Lê Chung				
	Đoạn đường tỉnh lộ 209 từ Roòng Đăm tiếp giáp địa giới phường Hòa Chung (thành phố Cao Bằng) qua xóm Pác Khuổi đến hết nhà ông Hoàng Văn Nhật (hết thửa đất số 72, tờ bản đồ số 12)	462	347	260	208
	Đoạn đường tỉnh lộ 209 từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Nhật (thửa đất số 72, tờ bản đồ số 12) đến hết địa giới xã Lê Chung (giáp xã Canh Tân - huyện Thạch An).	394	296	221	177
10	Xã Nguyễn Huệ				
	Đất xung quanh chợ Án Lại; Đoạn đường từ nhà bà Trương Thị Lồ (thửa đất số 319, tờ bản đồ số 50) đến hết nhà ông Long Văn Giáp (hết thửa đất số 62, tờ bản đồ số 39)	462	347	260	208
	Đoạn đường tránh thị tứ Án Lại từ nhà ông Lương Văn Trung (thửa đất số 92 tờ bản đồ số 50) đến hết đất nhà ông Lô Quang Thành (thửa đất số 100, tờ 50)	420	315	236	189
11	Xã Bình Dương				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 rẽ vào đến Trường Trung học cơ sở xã Bình Dương.	394	296	221	177
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Cánh xóm Khuổi rý đi hết xóm Nà Phung.	358	269	201	161
12	Xã Ngũ Lão				
	Đoạn đường theo Quốc lộ 3 mới từ giáp địa giới phường Ngọc Xuân (thành phố Cao Bằng) đến ngã ba Bản Gùn	701	526	395	316
13	Xã Quang Trung				
	Đoạn đường từ giáp địa giới thành phố theo đường Quang Trung - Hà Trì đến trụ sở UBND xã Hà Trì cũ.	334	251	188	151
14	Xã Trương Lương				
	Đoạn đường từ giáp địa giới xã Hồng Việt theo đường Hồng Việt - Thông Nông đến hết địa giới xã Trương Lương (giáp xã Lương Can - Hà Quảng).	394	296	221	177
VIII	Thành phố Cao Bằng				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Xã Đồng Bằng				
1	Xã Hưng Đạo				
	Đoạn đường từ rẽ đường Hồ nhi theo đường Chợ Cao Bình đến cửa hàng dược phẩm (rẽ xuống sông)	2,281	1,711	1,283	1,026
	Đoạn đường rẽ Hồ nhi qua ngã ba Đồng Lân (gấp đường 203) đến ngã ba Vò Đuôn (tiếp giáp xã Vĩnh Quang)	1,904	1,428	1,072	857
	Đoạn đường từ giáp địa giới xã Bế Triều (huyện Hòa An) theo đường 203 đến Ngã ba Đồng Lân	1,904	1,428	1,072	857
	Đoạn đường từ Km 8 nhà bà Lê Thị Luyện (thửa đất số 484, tờ bản đồ số 35), theo Quốc lộ 3 đến hết thửa đất số 379 tờ bản đồ số 41 (thửa đất Doanh nghiệp Tiến Hiếu, đổi diện là hộ bà Đoàn Thị Sáu (thửa đất số 429, tờ bản đồ số 41)	3,931	3,175	2,382	1,906
	Đoạn theo Quốc lộ 34 từ ngã ba rẽ vào Nguyên Bình theo đường nhà máy gạch Tuynel đến hết địa phận xã Hưng Đạo giáp xã Hoàng Tung	1,544	1,158	869	695
	Đoạn đường từ Trạm y tế xã Hưng Đạo (theo đường Cao Bình - Nam Phong) qua cầu treo Soóc Nậm đến gấp Quốc lộ 34	970	727	546	437
	Đường rẽ Hồ Nhi đi đến Ngân hàng nông nghiệp vòng theo đường đến đặng sau UBND xã Hưng Đạo	970	727	546	437
	Đoạn từ xóm Nam Phong 2 đi Bản Chạp hết địa phận xã Hưng Đạo;	823	618	463	371
	Các vị trí đất mặt tiền từ đường rẽ xóm Nam Phong 2 theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận xã Hưng Đạo giáp ranh địa phận xã Hoàng Tung (huyện Hòa An).	823	618	463	371
	Đoạn từ Quốc lộ 3 vào xóm Nam Phong 3 qua xóm Nam Phong 1 đến ngã ba nhà văn hóa xóm Nam Phong 1	823	618	463	371
	Đoạn từ Quốc lộ 34 vào nhà văn hóa xóm Nam Phong 1 ra đến đến Quốc lộ 34	823	618	463	371
2	Xã Vĩnh Quang				
	Từ giáp ranh phường Ngọc Xuân theo đường 203 đến hết địa giới xã Vĩnh Quang (giáp xã Hưng Đạo)	1,416	1,062	796	637
	Đoạn đường nhánh từ đường tỉnh lộ 203 đi xã Ngũ Lão đến hết địa phận xã Vĩnh Quang	889	667	501	400
	Đoạn từ ngã ba Vò Đuôn theo đường đi cầu treo Sông Măng cũ đến hết địa phận xã Vĩnh Quang (giáp xã Hưng Đạo)	755	567	425	340
	Đoạn đường Đức Chính - Trại Lợn, trục đường dọc theo tuyến muong Hồ Nà Tấu đến hết địa phận xã Vĩnh Quang giáp ranh xã Bế Triều của huyện Hòa An	755	567	425	340
	Xã Trung du				
3	Xã Chu Trinh				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ giáp ranh phường Duyệt Trung theo Quốc lộ 34B đến đường rẽ vào nhà máy Luyện Gang Công ty 30-4.	1416	1062	796	637
	Đất mặt tiền Quốc lộ 34B đoạn từ cổng nhà máy luyện gang 30-4 (thửa đất số 97, tờ bản đồ số 56) đến hết địa phận xã Chu Trinh (giáp xã Kim Đồng- huyện Thạch An)	889	667	501	400
	Các vị trí mặt tiền nối Quốc lộ 34B -Km8 xóm Cốc Găng theo đường liên xã Chu Trinh - Hồng Nam đến hết địa phận xã Chu Trinh (giáp xã Hồng Nam - huyện Hòa An)	755	567	425	340

BIỂU 07: ĐIỀU CHỈNH BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2025/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	Huyện Bảo Lâm				
1	Thị trấn Pác Miầu				
1.1	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến (thửa đất số 74, tờ bản đồ 147) đến hết đất của Kho bạc Nhà nước	1,768	1,326	995	697
	Đoạn đường từ Kho Bạc Nhà nước đến ngã ba đường rẽ lên UBND huyện (đến hết thửa đất 59 tờ bản đồ số 136)	1,768	1,326	995	697
	Các vị trí đất mặt tiền xung quanh khu vực chợ nông sản	1,768	1,326	995	697
1.2	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường tiếp từ đường rẽ lên UBND huyện (từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 141) đến cổng chào Khu 4	1,178	884	662	464
	Đoạn đường tiếp ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến (thửa đất số 74, tờ bản đồ 147) lên chân dốc lên trường tiểu học-Trung học cơ sở (đến hết thửa đất số 100 tờ bản đồ số 153)	1,178	884	662	464
	Đoạn đường tiếp ngã ba đầu cầu (nhà ông Long Văn Tiến (thửa đất số 74, tờ bản đồ 147) theo Quốc lộ 34 đi tỉnh Hà Giang đến cổng chào khu 2	1,178	884	662	464
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ lên Ủy ban nhân dân huyện đến đường đi khu Loỏng Khinh (từ thửa đất số 51 tờ bản đồ số 136 đến hết thửa đất số 16 tờ bản đồ số 137)	1,178	884	662	464
1.3	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ chân dốc lên trường tiểu học-Trung học cơ sở (tiếp đất nhà bà Sầm Thị Tươi (thửa đất số 115, tờ bản đồ số 153) đến ngã ba đường đi xã Mông Ân đi tiếp vào trường Nội trú.	852	640	479	336
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ đi xã Mông Ân đến đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng (Khu 1) (từ thửa đất số 47 tờ bản đồ 154 đến đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng (Khu 1)	852	640	479	336
	Đoạn đường từ nhà bà Lãnh Thị Nguyệt (từ thửa đất số 3, tờ bản đồ số 96) đi đến hết công sau Công ty CKC	672	504	378	265
	Đoạn đường giao thông đi xóm Mạ Rại bắt đầu từ ngã ba rẽ vào khu tập thể UBND huyện (thường gọi là khu tập thể Mạ Rại) đến trung tâm xóm Mạ Rại (đến hết thửa đất số 39 tờ bản đồ số 40)	672	504	378	265

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34 đi xóm Phiêng Phay, đến trung tâm xóm Phiêng Phay (từ thửa đất số 36 tờ bản đồ 69 đến hết thửa đất số 70 tờ bản đồ số 102).	672	504	378	265
	Đoạn đường từ Cổng chào Khu 4 theo Quốc lộ 34 đi xóm Nà Ca, tới trung tâm xóm Nà Ca (hết thửa đất số 66 tờ bản đồ số 09)	672	504	378	265
	Đoạn từ trung tâm xóm Nà Ca theo Quốc lộ 34 (hướng đi Bảo Lạc) (từ thửa đất số 07 tờ bản đồ số 09) đến hết địa giới hành chính của thị trấn (giáp xã Lý Bôn)	672	504	378	265
	Đoạn đường từ cổng chào khu 2 theo Quốc Lộ 34 hướng đi Hà Giang đến hết đất nhà bà Lãnh Thị Nguyệt (hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 96)	672	504	378	265
	Đoạn đường tiếp từ đường rẽ vào mỏ đá Tu Lũng (từ thửa đất số 15 tờ bản đồ số 61) đến hết địa giới thị trấn Pác Miầu (giáp xã Mông Ân)	672	504	378	265
	Đoạn đường từ cổng sau Công ty CKC (từ thửa đất số 15 tờ bản đồ số 126) đến giáp ranh xã Thái Học	672	504	378	265
	Đất khu tái Định cư Pác Bang (từ thửa đất số 09 tờ bản đồ 42 đến hết thửa đất số 157 tờ bản đồ số 48)	672	504	378	265
	Đất mặt tiền từ ngã ba đường rẽ vào mỏ nước đến nhà ông Bàn Văn Đức (từ thửa đất số 28 tờ bản đồ số 152 đến hết thửa đất số 75 tờ bản đồ số 153)	672	504	378	265
	Đất mặt tiền rẽ vào khu Loông Giăng đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Quyết (từ thửa đất số 48 tờ bản đồ số 153 đến hết thửa đất số 03 tờ bản đồ số 154)	672	504	378	265
	Đất mặt tiền từ đường rẽ xuống sân vận động đến ngã rẽ đi xóm Bản Mỏ (hết thửa đất số 06 tờ bản đồ số 72)	672	504	378	265
II	Huyện Bảo Lạc				
1	Thị trấn Bảo Lạc				
1.1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ cổng Bưu điện dọc theo tuyến phố đến hết nhà ông Trần Văn Phúc (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 77) ngã ba đầu cầu Gò Luông	2,920	2,190	1,643	1,150
	Đoạn đường từ nhà ông Tô Văn Thắm (thửa đất số 94, tờ bản đồ số 76) (Khu 2) đến sát cầu thị trấn (nhà Bà Lữ Thị Tươi (thửa đất số 130, tờ bản đồ số 76)	2,920	2,190	1,643	1,150
	Đoạn đường vào tổ dân phố 4 đến nhà ông Trần Văn Quyền (hết thửa đất số 162, tờ bản đồ số 76)	2,920	2,190	1,643	1,150
	Đoạn đường bờ sông tiếp giáp cầu Bảo Lạc 2 (Trung tâm chợ) đến hết nhà ông Trần Văn Phúc (thửa đất số 10, tờ bản đồ số 77) Tổ dân phố 3 (ngã ba cầu gò Luông)	2,920	2,190	1,643	1,150

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường phía sau Tổ dân phố 2 từ giáp cầu Bảo Lạc 2 theo bờ kè sông Nieu lên giáp vườn Phương Văn Níp (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 75) Tổ dân phố 2 (giáp đường bê tông cạnh Điện lực)	2,920	2,190	1,643	1,150
	Đoạn từ nhà bà Lê Mai Hoa (thửa đất số 82, tờ bản đồ số 76) (Khu 2) đến giáp đường bê tông cạnh Điện lực	2,920	2,190	1,643	1,150
1.2	Đường loại III				
	Đoạn giáp đường rẽ đi xã Phan Thanh (ngã ba cầu gò Luồng) đi qua Tổ dân phố 4 đi xã Khánh Xuân đến nhà bà Mông Thị Tươi (hết thửa đất số 351, tờ bản đồ số 32) (Tổ dân phố 4)	1,985	1,489	1,116	781
	Đoạn từ giáp ranh công sát Bưu điện theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Nông Hoàng Hà (hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 88) (Tổ dân phố 1)	1,985	1,489	1,116	781
	Đoạn đường dọc Quốc lộ 34 đường đi Bảo Lâm từ nhà ông Đàm Trí Tuệ (thửa đất số 49, tờ bản đồ số 76) (Khu 2) đến giáp đoạn đường tránh Quốc Lộ 34 (Nhà ông Lý Hải Hâu (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 66)	1,985	1,489	1,116	781
1.3	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Hoàng Hà (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 88) (Tổ dân phố 1) đến chùa Vân An	1,345	1,009	757	529
	Đoạn tiếp giáp từ nhà ông Bế Kim Doanh (thửa đất số 139, tờ bản đồ số 72) lên đến cổng Huyện đội.	1,345	1,009	757	529
	Đoạn đường từ ngã ba chùa Vân An dọc theo đường tránh Quốc lộ 34 đến nhà ông Phan Công Hoan (hết thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12) (Tổ dân phố 5)	1,345	1,009	757	529
	Đoạn đường từ vườn Phương Văn Níp (thửa đất số 71, tờ bản đồ số 75) (Tổ dân phố 2) theo đường bờ kè sông Nieu lên Tổ dân phố 1	1,345	1,009	757	529
1.4	Đường loại V				
	Đoạn đường từ tiếp giáp xóm Pác Riệu (xã Thượng Hà) theo đường 217 đi Tổ dân phố 4 hết địa phận Thị trấn Bảo Lạc (giáp xã Cô Ba	972	730	547	383
	Đoạn đường từ nhà ông Phan Công Hoan (thửa đất số 9, tờ bản đồ số 12) dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới hành chính thị trấn Bảo Lạc (giáp xã Thượng Hà)	972	730	547	383
	Đoạn đường từ ngã ba chùa Vân An theo Quốc lộ 34 đến giáp địa phận xã Hồng Trị	972	730	547	383
III	Huyện Hà Quảng				
1	Thị trấn Xuân Hòa				
1.1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường ngã ba tiếp giáp đường Hồ Chí Minh theo đường Xuân Hòa - Vân Đình đến hết tường rào Huyện Ủy	2,040	1,530	1,147	803

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ đường rẽ vào Trường Trung học Cơ sở Xuân Hoà theo trục Hồ Chí Minh đến cầu Năm Nhẫn	2,040	1,530	1,147	803
	Đoạn từ ngã ba rẽ vào chợ huyện đến nhà ông Hoàng Văn Giám (thửa đất số 36, tờ bản đồ số 19-5) và xung quanh chợ	2,040	1,530	1,147	803
1.2	Đường phố loại III				
	Đoạn từ đầu cầu Năm Nhẫn (xóm Nà Vạc) theo trục đường Hồ Chí Minh đi Pác Bó đến hết nhà mẫu giáo xóm Đôn Chương	1,382	1,037	778	545
	Đường liên xã Xuân Hoà - Ngọc Đào, đoạn tiếp giáp đường Hồ Chí Minh ngã ba rẽ vào Hạt Kiểm lâm đến hết nhà ông Phương Quốc Tuấn (hết thửa đất số 48, tờ bản đồ số 22-5)	1,382	1,037	778	545
	Đoạn ngã ba nối vào đường Hồ Chí Minh rẽ vào sân vận động huyện Hà Quảng	1,382	1,037	778	545
1.3	Đường phố loại IV				
	Đường Xuân Hoà - Ngọc Đào: Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Phương Quốc Tuấn (thửa đất số 48, tờ bản đồ số 22-5) đến cầu Hoàng Rê.	998	749	562	394
	Đoạn đường từ Trường mẫu giáo xóm Đôn Chương theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hoà (giáp xã Trường Hà).	998	749	562	394
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hoà - Ngọc Đào rẽ vào bệnh viện đa khoa huyện (đường bê tông).	998	749	562	394
1.4	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ Trụ sở Hợp tác xã Toàn Năng theo đường Hồ Chí Minh đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Ngọc Đào);	598	449	336	235
	Đường Xuân Hoà - Ngọc Đào: Đoạn đường từ cầu Hoàng Rê đến hết địa giới thị trấn Xuân Hòa;	598	449	336	235
	Đoạn ngã ba nối vào đường Xuân Hòa - Ngọc Đào rẽ vào bãi rác hết địa phận thị trấn Xuân Hòa (giáp xã Quý Quân)	506	380	284	199
2	Thị trấn Thông Nông				
2.1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường tránh sau chợ điểm đầu nối với đường 204 tại Km50 (Cao Bằng - Cản Yên) điểm cuối tại Km0+200 (nối đường Thông Nông - Lương Can).	2,040	1,530	1,147	803
	Đất khu dân cư mặt tiền xung quanh chợ.	2,040	1,530	1,147	803
2.2	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ đầu cầu Cốc Ca theo đường tỉnh 204 đến đất ở nhà ông Hoàng Văn Sùng (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 59) xóm Cốc Ca	1,216	912	684	479
	Đoạn từ ngã ba đường 204 theo đường vào trụ sở Huyện ủy cũ lên đến cổng Huyện ủy.	1,216	912	684	479

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
2.3	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ ngã ba đường theo đường đi xóm Lũng Quang cũ thuộc Tổ dân phố 6 đến chân dốc Lũng Quang	824	618	463	325
IV	Huyện Nguyên Bình				
1	Thị trấn Nguyên Bình				
1.1	Đường loại I				
	Từ nhà văn hóa tổ 2 theo Quốc lộ 34 đến hết nhà bà Hoàng Thị Vi (thửa đất số 43; tờ bản đồ số 79) (Tổ dân phố 3) và theo đường lên trụ sở UBND Huyện đến hết nhà ông Hoàng Kế Vĩnh (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 80) (tổ 3)	2,431	1,824	1,367	957
1.2	Đường loại II				
	Từ nhà văn hóa tổ 2 theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Trương Mạnh Sào (thửa đất số 15, tờ bản đồ số 85) (Tổ 1)	1,659	1,244	933	653
	Đoạn tiếp giáp nhà bà Hoàng Thị Vi (thửa đất số 43; tờ bản đồ số 79) (Tổ dân phố 3) theo Quốc lộ 34 đến hết cây xăng Đại Lợi	1,659	1,244	933	653
	Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Kế Vĩnh (thửa đất số 76, tờ bản đồ số 80) (Tổ dân phố 3), theo đường lên trụ sở Ủy ban nhân huyện đến hết nhà ông Hoàng Văn Tuấn (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 79) (Tổ dân phố 3)	1,659	1,244	933	653
	Từ Trung tâm bưu chính viễn thông huyện theo đường lên Phòng Giáo dục - Đào tạo đến hết Phòng Giáo dục - Đào tạo	1,659	1,244	933	653
	Các vị trí đất mặt tiền đường xung quanh đình chợ.	1,659	1,244	933	653
1.3	Đường loại III				
	Từ tiếp giáp nhà ông Trương Mạnh Sào (thửa đất số 15, tờ bản đồ số 85) (Tổ 1) theo Quốc lộ 34 đi thành phố Cao Bằng đến hết nhà bà Lãnh Thị Ёn (hết thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41) xóm Nà Gọn	1,129	846	635	444
1.4	Đường loại IV				
	Từ tiếp giáp nhà bà Lãnh Thị Ёn (thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41) xóm Nà Gọn đi thành phố Cao Bằng đến hết nhà ông Mạc Thanh Mến (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 41) xóm Nà Gọn	815	612	459	321
	Từ nhà ông Hà Văn Tuấn (thửa đất số 750, tờ bản đồ số 31) xóm Pác Mãn theo đường tránh Quốc Lộ 34 đến ngã ba xóm Nà Gọn	815	612	459	321
	Từ tiếp giáp cây xăng Đại Lợi theo Quốc lộ 34 đến hết địa phận thị trấn Nguyên Bình giáp xã Thỏ Dục	815	612	459	321
1.5	Đường loại V				
	Từ nhà ông Hà Văn Tuấn (thửa đất số 750, tờ bản đồ số 31) dọc theo đường tránh Quốc Lộ 34 đến tiếp giáp xã Thỏ Dục	590	442	332	232
	Từ tiếp giáp nhà văn hóa tổ 2 đến hết trường THPT Nguyên Bình	590	442	332	232

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ tiếp giáp nhà bà Nguyễn Thị Nguyên (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 80) (Tổ 3) đến hết Trạm xử lý nước	590	442	332	232
	Từ nhà bà Nguyễn Thị Nguyên (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 80) (Tổ 3) đến hết nhà bà Lưu Thị Diệp (thửa đất số 163, tờ bản đồ số 80) (Tổ 3)	590	442	332	232
	Từ tiếp giáp nhà bà Nguyễn Thị Nguyên (thửa đất số 147, tờ bản đồ số 80) (Tổ 3) đến hết trường Nội trú	590	442	332	232
	Từ tiếp giáp nhà ông Hoàng Văn Tuấn (thửa đất số 151, tờ bản đồ số 79) (Tổ 3) đến hết nhà văn hóa xóm Bản Luộc	590	442	332	232
	Từ ngã ba cổng phụ Ủy ban nhân dân huyện đến hết nhà bà Nông Thị Vĩnh (thửa đất số 237, tờ bản đồ số 79) (Tổ 3)	590	442	332	232
	Đất có mặt tiền thuộc đoạn đường từ ngã ba Nà Phiêng, theo đường vào xóm Nà Gọn đến hết đường bê tông	590	442	332	232
	Từ cổng trụ sở Công An đến hết nhà bà Nguyễn Thị Độ (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 81) (Tổ 2)	590	442	332	232
	Đoạn đường từ nhà bà Triệu Thị Yến (thửa đất số 400, tờ bản đồ số 40) dọc theo tỉnh lộ 216 đi xã Tam Kim đến hết địa phận thị trấn Nguyên Bình	590	442	332	232
	Đoạn từ nhà ông Hoàng Văn Hanh (thửa đất số 183, tờ bản đồ số 33) dọc theo đường nhà máy xi măng cũ đến hết Xưởng trục 688	590	442	332	232
	Đoạn đường từ ngã tư xóm Pác Măn Ngoài (cũ) theo đường bê tông vào nhà văn hóa xóm Pác Măn Trong (cũ) thuộc xóm Pác Măn	590	442	332	232
	Đoạn đường dọc theo bờ sông hai bờ sông Thở Dục đoạn qua Thị trấn Nguyên Bình	590	442	332	232
2	Thị trấn Tĩnh Túc				
2.1	Đường loại III				
	Đoạn đường từ Cầu 1, theo Quốc lộ 34 đến hết nhà ông Lý Văn Luân (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 63) (hết tường rào trường tiểu học thị trấn Tĩnh Túc)	1,129	846	635	444
2.2	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ Cầu 1, theo Quốc lộ 34 đến Cầu 3	815	612	459	321
	Đoạn đường giáp nhà ông Lý Văn Luân (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 63), theo Quốc lộ 34 đến hết cổng bảo vệ Xí nghiệp Thiếc- Công ty Khoáng sản	815	612	459	321
2.3	Đường loại V				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34, theo đường vào chợ Phúc Lợi, Trường cấp II, III cũ đến hết đường mà xe ô tô đi lại được	590	442	332	232
	Đoạn đường từ Quốc Lộ 34 theo đường vào Bệnh viện Tĩnh Túc đến hết đường mà xe ô tô đi lại được	590	442	332	232

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Từ cổng bảo vệ Xí nghiệp Thiếc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới thị trấn Tĩnh Túc (giáp xã Phan Thanh)	590	442	332	232
	Từ Cầu 3 dọc theo Quốc lộ 34 đến hết địa giới thị trấn Tĩnh Túc (giáp xã Thề Dục và xã Quang Thành)	590	442	332	232
V	Huyện Hạ Lang				
1	Thị trấn Thanh Nhật				
1.1	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ ngã ba gốc cây gạo trước nhà Bà Hoàng Thị Phúc (thửa đất số 137, tờ bản đồ số 16-5) theo Quốc lộ 4A đến cổng Bảo hiểm xã hội huyện Hạ Lang	2,920	2,190	1,643	1,150
	Đoạn đường từ ngã ba (gốc cây gạo) theo tỉnh lộ 207A đến Cổng chân núi Phía Khao.	2,920	2,190	1,643	1,150
	Đoạn đường từ nhà ông Lục Văn Ty (thửa đất số 168, tờ bản đồ số 16-5) theo đường đi Vinh Quý đến hết nhà ông Hoàng Thế Anh (hết thửa đất số 59, tờ bản đồ số 29-5)	2,920	2,190	1,643	1,150
	Đoạn rẽ lên Huyện Ủy đến cổng Huyện Ủy.	2,920	2,190	1,643	1,150
	Toàn bộ các vị trí đất mặt tiền xung quanh chợ Hạ Lang (Chợ cũ và Chợ mở rộng)	2,920	2,190	1,643	1,150
	Đoạn đường từ ngã ba (gốc cây gạo) theo Tỉnh lộ 207 đi thành phố Cao Bằng đến hết nhà ông Hoàng Văn Thắng (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 14-5)	2,920	2,190	1,643	1,150
	Đoạn đường trung tâm.	2,920	2,190	1,643	1,150
	Đường tránh thị trấn Thanh Nhật (đoạn từ ngã tư Đoòng Đeng - trụ sở Hạt kiểm lâm cũ đến ngã 3 Nà Ёn giáp Quốc lộ 4A).	2,920	2,190	1,643	1,150
1.2	Đường phố loại III				
	Đoạn tiếp giáp nhà ông Hoàng Thế Anh (thửa 59, tờ 29-5) theo đường đi Vinh Quý đến đường mòn rẽ đi Sa Tao (xã Thống Nhất)	1,985	1,489	1,116	781
	Đoạn từ cổng Bảo hiểm xã hội huyện Hạ Lang đến hết ranh giới Thị trấn Thanh Nhật.	1,985	1,489	1,116	781
	Đoạn từ cầu Ngườm Ngược theo hướng trung tâm thị trấn Thanh Nhật, qua cổng chân núi Phía Khao, qua cầu đến cổng Bảo Hiểm xã hội huyện Hạ Lang	1,985	1,489	1,116	781
	Các vị trí mặt tiền đoạn đường từ nhà ông Hoàng Văn Thắng (Đoòng Đeng) đến hết biển báo thị trấn Thanh Nhật.	1,985	1,489	1,116	781
	Đoạn từ miếu thổ công khu phố Hạ Lang (hết thửa số 245, tờ 16-5) theo hướng ngã tư Đoòng Đeng đến hết ngã tư Lũng Đôn (thửa 87, tờ 36)	1,985	1,489	1,116	781
1.3	Đường Phố Loại IV				
	Đoạn đường Quốc lộ 4A rẽ đi Nà Ёn qua Kéo Sy đến	1,435	1,076	808	565

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	đường Quốc lộ 4A.				
	Đoạn từ ngã ba rẽ đi Sa Tao (xã Thống Nhất) đến hết ranh giới thị trấn Thanh Nhật	1,435	1,076	808	565
	Đoạn đường từ ngã ba đường Quốc lộ 4A theo đường lên UBND huyện đến đường tránh thị trấn Thanh Nhật.	1,435	1,076	808	565
1.4	Đường phố loại V				
	Từ đầu Ngườm Ngược đến cổng Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện.	1,037	778	583	408
	Đoạn đường từ đường rẽ Kéo Sy đi theo đường vào xóm Sộc Quân đến hết đường ô tô đi lại được.	1,037	778	583	408
	Đoạn đường từ Cổng làng Ngườm Khang đến hết làng Ngườm Khang.	1,037	778	583	408
VI	Huyện Thạch An				
1	Thị trấn Đông Khê				
1.1	Đường phố loại I				
	Đoạn đường xung quanh sân trung tâm.	4,285	3,214	2,410	1,687
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B đến trụ sở Ủy ban nhân dân huyện.	4,285	3,214	2,410	1,687
	Đoạn đường từ đầu cầu Phai Pin theo Quốc lộ 34B đến hết đất trụ sở Tòa án nhân dân huyện.	4,471	3,354	2,515	1,760
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B đến hết Xí nghiệp cấp nước thị trấn Đông Khê qua chợ đến hết trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn (cũ).	4,285	3,214	2,410	1,687
	Đoạn đường từ Quốc lộ 34B theo đường nội thị đến hết ngã tư Bó Loỏng.	4,285	3,214	2,410	1,687
	Đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 34B cầu Phai Pin theo đường Quốc lộ 4A đến ngã 3 cầu Slăng Péc.	4,471	3,354	2,515	1,760
	Đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 34B Điện lực Thạch An đến cầu vào Chợ trung tâm thị trấn Đông Khê	4,285	3,214	2,410	1,687
1.2	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ sau trụ sở Tòa án nhân dân huyện theo Quốc lộ 34B đến hết đất Xưởng chế biến Chè đắng cũ.	2,924	2,193	1,645	1,151
	Đoạn đường từ cổng trường cấp II, III (đường Cạm Phầy) đến ngã ba Slăng Péc (gặp đường 4A).	2,924	2,193	1,645	1,151
	Đoạn đường từ đầu cầu Phai Pin theo Quốc lộ 34B đến hết đất nhà ông Vũ Xuân Long (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 76) (khu 5).	2,924	2,193	1,645	1,151
	Đoạn từ sau trụ sở Xí nghiệp cấp nước thị trấn Đông Khê đến đầu cầu Nà Ma.	2,924	2,193	1,645	1,151
	Đoạn đường từ sau trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn (cũ) theo đường đi Thôm Pò đến đầu cầu Phai Pác.	2,924	2,193	1,645	1,151
	Đoạn từ ngã tư Bó Lông theo đường nội thị đến đầu cầu Phai Sặt.	2,924	2,193	1,645	1,151

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường nội thị từ cổng Trường Phổ thông dân tộc nội trú (đường nhánh 3) đến ngã 3 đường Bê tông đi xóm Pò Hầu (gần cầu Phai Pác).	2,924	2,193	1,645	1,151
	Đoạn từ ngã ba đường nội thị rẽ xuống cầu Bó Loỏng đến ngã tư Quốc lộ 4A	2,924	2,193	1,645	1,151
1.3	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ Xưởng chế biến Chè đắng cũ theo Quốc lộ 34B đến đường đi Lũng Hay đến hết nhà ông Triệu Văn Tỏa (hết thửa đất số 91, tờ bản đồ số 42).	1,990	1,493	1,119	783
	Đoạn đường từ nhà ông Vũ Xuân Long (thửa đất số 11, tờ bản đồ số 76) theo Quốc lộ 34B đến đến giáp địa giới xã Đức Xuân.	1,990	1,493	1,119	783
	Đoạn đầu cầu Phai Rạt theo đường Quốc lộ 4A đến hết đất thị trấn (giáp xã Lê Lai).	1,990	1,493	1,119	783
1.4	Đường Phố Loại IV				
	Đoạn đường từ đường rẽ đi Lũng Hay hết nhà ông Triệu Văn Toả (thửa đất số 91, tờ bản đồ số 42) theo Quốc lộ 34B đến hết đất nhà ông Nông Văn Tường (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 41) (xóm Chang Khuyên).	1,438	1,079	808	566
	Đoạn từ ngã ba Slăng Péc đến hết làng Chộc Sòn (đường đi Đức Long).	1,438	1,079	808	566
1.5	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Xuân Tường (thửa đất số 19, tờ bản đồ số 41) theo Quốc lộ 34B đến giáp địa giới xã Lê Lai.	1,037	779	583	408
	Đoạn đường từ đầu cầu Nà Ma theo đường vào làng Pò Điều đến hết làng Pò Điều.	1,037	779	583	408
	Đoạn từ đầu cầu Phai Pác theo đường Thôm Pò đến mỏ nước Bó Coóc.	1,037	779	583	408
	Đoạn từ ngã tư Quốc lộ 4A đến hết làng Đoảng Lặng	1,037	779	583	408
	Đoạn từ Quốc lộ 4A vào hết làng Pò Sủa	1,037	779	583	408
	Đoạn từ Quốc lộ 4A vào hết làng Nà Lũng	1,037	779	583	408
	Đoạn từ ngã 3 Quốc lộ 34B theo đường bê tông vào đến hết làng Nà Cúm	1,037	779	583	408
VII	Huyện Trùng Khánh				
1	Thị trấn Trùng Khánh				
1.1	Đường loại I				
	Đoạn đường từ Siêu thị điện thoại Thi Quyên (thửa đất số 88, tờ bản đồ số 31) theo đường tỉnh lộ 206 đến ngã tư đường tròn trung tâm và mặt tiền xung quanh chợ trung tâm thị trấn.	3,071	2,303	1,728	1,209
1.2	Đường loại II				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ tiếp giáp siêu thị điện thoại Thi Quyên (thửa đất số 88, tờ bản đồ số 31) theo đường tỉnh lộ 206 đến ngã ba đường tỉnh lộ 211 (hết thửa đất số 38, tờ bản đồ số 39).	1,887	1,415	1,062	743
	Đoạn đường từ tư đường tròn trung tâm theo đường tỉnh lộ 206 đến ngã ba đường tỉnh lộ 213 giao đường tỉnh lộ 206 (tính hết nhà ông Lý Văn Hiệu (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 21) và đối diện là nhà ông La Hiến (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 21).	1,887	1,415	1,062	743
	Đoạn đường quốc lộ 4A từ đầu nhà ông Nông Văn Kiên (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 33) đến hết bến xe mới	2,058	1,543	1,158	810
	Đoạn đường Nội thị tính từ Trụ sở Kho bạc huyện (trụ sở mới) đến đường rẽ vào xí nghiệp cấp nước (thửa đất số 13, tờ bản đồ số 31).	1,972	1,479	1,110	776
1.3	Đường loại III				
	Đoạn từ ranh giới bến xe theo đường Quốc lộ 4A đến ngã ba đường rẽ sang tổ dân phố 1 (hết thửa đất số 11, tờ bản đồ số 68 và đối diện)	1,341	1,006	754	528
	Đoạn đường nội thị từ ngã tư Quốc lộ 4A, tổ dân phố 6 (từ nhà ông Nông Văn Thượng, thửa đất số 112, tờ bản đồ số 22) đến ngã ba đường 213, tổ dân phố 7 (đối diện nhà ông Hà Văn Biên, thửa đất số 143, tờ bản đồ số 4).	1,341	1,006	754	528
1.4	Đường phố loại IV				
	Đoạn tiếp từ ngã tư Quốc lộ 4A theo đường rẽ vào khách sạn Đình Văn đến thửa đất số 136, tờ bản đồ số 8 và đối diện thửa đất 132, tờ bản đồ số 8 đến đường rẽ vào nhà văn hóa xóm Phía Sách cũ	969	727	545	382
2	Thị trấn Trà Lĩnh				
2.1	Đường phố loại I				
	Theo trục đường Quốc lộ 34 kéo dài (đường tỉnh 205 cũ), đoạn đường từ đầu cầu phía Bắc cầu Cô Thầu đến Ngã ba rẽ vào nhánh chính đường nội vùng Thị trấn.	3,211	2,408	1,807	1,264
2.2	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhánh chính của đường nội vùng theo đường tỉnh 210 đến hết địa giới thị trấn Trà Lĩnh (giáp xã Quang Hán).	1,972	1,479	1,110	776
	Đoạn đường theo Quốc lộ 34 kéo dài từ ngã ba Khưa Hán đến thửa đất số 58, tờ bản đồ 42-5 của bà Hoàng Thị Hương xóm Vĩnh Quang	1,715	1,286	965	675
2.3	Đường phố loại III				
	Đoạn đường rẽ vào C5 từ nhà văn hóa xóm Nà Thầu đến hết địa giới thị trấn Trà Lĩnh.	1,341	1,006	754	528

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường theo đường Quốc lộ 34 kéo dài từ thửa đất số 58, tờ bản đồ 42-5 của bà Hoàng Thị Hương xóm Vĩnh Quang đến đập Phai Bó	1,341	1,006	754	528
2.4	Đường phố loại IV				
	Đường vào khu vực Nà Rạo - Cốc Khoác, xóm Vĩnh Quang	969	727	545	382
VIII	Huyện Quảng Hòa				
1	Thị trấn Quảng Uyên				
1.1	Đường loại I				
	Đoạn đường từ cơ quan Quản lý thị trường qua phố Hồng Thái, phố Mới Hoà Trung, Hoà Nam đến ngã tư kiểm lâm;	4,099	3,075	2,306	1,614
	Đoạn từ nhà hàng Hoàng Tuấn Anh (thửa đất số 150, tờ bản đồ số 27) theo tỉnh lộ 206 đến ngã tư kiểm lâm;	4,099	3,075	2,306	1,614
	Các đoạn đường chạy xung quanh chợ và đường nối chợ.	4,099	3,075	2,306	1,614
	Đoạn từ nhà bà Hoàng Thị Hảo (thửa đất số 223, tờ bản đồ số 26) đến nhà ông Phạm Viết Học (hết thửa đất số 53, tờ bản đồ số 3).	4,099	3,075	2,306	1,614
	Đoạn từ ngã ba Chi nhánh điện lực đến ngã tư Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.	4,099	3,075	2,306	1,614
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Đinh Hùng Diệp (thửa đất số 257, tờ bản đồ số 7) (phố Mới) qua Răng Phan đến nhà ông Mai Kiên Võ (hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 3)	4,099	3,075	2,306	1,614
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Lại Quế Lương (thửa đất số 280, tờ bản đồ số 12) (phố Hoà Bình) đến ngã tư hết nhà bà Đinh Thị Liễu (hết thửa đất số 222, tờ bản đồ số 12) (Buru điện)	4,099	3,075	2,306	1,614
1.2	Đường loại II				
	Đoạn từ ngã ba Công an huyện đến nhà ông Lương Văn Hoàn (hết thửa đất số 150, tờ bản đồ số 12)	2,797	2,098	1,574	1,101
	Đoạn đường từ nhà hàng Triệu Tấn (thửa đất số 6, tờ bản đồ số 12) (cổng Huyện ủy) theo đường vào cổng Trung tâm giáo dục thường xuyên, cổng trường Tiểu học đến hết đường mới;	2,797	2,098	1,574	1,101
	Đoạn từ cổng trường nội trú- Trường tiểu học - Trung tâm giáo dục thường xuyên đi theo đường mới đến ngã tư Cầu đỏ	2,797	2,098	1,574	1,101
	Đoạn đường ngã tư Cầu Đỏ đi vào miếu Bách Linh	2,797	2,098	1,574	1,101
	Đoạn đường đi vào đền Nùng Chí Cao	2,797	2,098	1,574	1,101
	Đoạn đường từ nhà hàng Tuấn Anh (thửa đất số 150, tờ bản đồ số 27) theo tỉnh lộ 206 đến hết nhà hàng Trúc Lâm (hết thửa đất số 153, tờ bản đồ số 23)	2,797	2,098	1,574	1,101

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1.3	Đường loại III				
	Đoạn đường từ ngã tư Kiểm lâm theo đường nhánh đến hết nhà ông Lý Coóng (hết thửa đất số 64, tờ bản đồ số 36) (gặp Quốc lộ 3)	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn từ ngã tư Kiểm lâm theo tỉnh lộ 206 đến hết cửa hàng xe máy Xuân Hòa (hết thửa đất số 159, tờ bản đồ số 32)	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn từ cửa hàng xe máy Xuân Hòa (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 32) đến hết nhà ông Nông Văn Ba (hết thửa đất số 92, tờ bản đồ số 36)	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn đường từ ngã ba Nhà văn hóa phố Hoà Trung, Hoà Nam (Nhà hàng Trường Hà) đến ngã ba hết nhà bà Lục Thị Mơ (hết thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18)	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn đường vòng trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn;	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn từ tỉnh lộ 206 rẽ vào Trạm Khuyến nông đến hết nhà ông Phan Văn Núi (hết thửa đất số 19, tờ bản đồ số 8)	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn đường ngõ công phụ Công an huyện nối với tỉnh lộ 206;	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn đường từ ngã ba Trạm biến thế (nhà bà Lục Thị Miết, thửa đất số 90, tờ bản đồ số 16) thẳng đến tiếp giáp đường đi Bệnh viện;	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn đường từ tỉnh lộ 206 (nhà bà Lê Thị Cương, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 32) theo đường đi Cách Linh đến hết nhà ông Thắm Hữu Tàng (hết thửa đất số 41, tờ bản đồ số 38).	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn đường từ nhà ông Bành An Minh (thửa đất số 121, tờ bản đồ số 12) đến hết nhà ông Nguyễn Văn Hùng (hết thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12)	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn đường tiếp giáp tỉnh lộ 206 từ nhà ông Phùng Quang Tuyên (thửa đất số 203, tờ bản đồ số 3) đến hết nhà ông Đặng Hùng Dũng (hết thửa đất số 103, tờ số 3)	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn đường tiếp giáp tỉnh lộ 206 từ nhà ông Bế Ích Trưởng (thửa đất số 262, tờ bản đồ số 7) đến hết nhà nghỉ Quảng Nam (hết thửa đất số 16, tờ số 7)	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn đường từ nhà ông Đàm Văn Sìn (thửa đất số 154, tờ bản đồ số 12) đến hết nhà ông Vi Công Phồn (hết thửa đất số 92, tờ bản đồ số 12)	1,903	1,427	1,070	749
	Đoạn đường từ Cầu Đò theo đường đi xã Phi Hải đến vị trí giáp xã Quốc Phong cũ	1,903	1,427	1,070	749
1.4	Đường loại IV				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ nhà ông Thẩm Hữu Tàng (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 38) theo đường đi xã Cách Linh đến hết địa giới Thị trấn (giáp xã Chí Thảo);	1,375	1,031	773	541
	Đoạn đường từ tiếp giáp Nhà hàng Trúc Lâm (thửa đất số 153, tờ bản đồ số 23) theo tỉnh lộ 206 đến hết nhà ông Hà Quang Hạnh (hết thửa đất số 139, tờ bản đồ số 20).	1,375	1,031	773	541
	Đoạn đường nối từ sân vận động vào đến cổng Trường Trung học cơ sở thị trấn Quảng Uyên (cũ).	1,375	1,031	773	541
	Đoạn đường vào tổ dân phố Đông Thái nối tiếp đường đi bệnh viện đến hết nhà ông Lý Ích Hoan (hết thửa đất số 21, tờ bản đồ số 33).	1,375	1,031	773	541
	Đoạn đường từ nhà bà Đàm Thị Mến (thửa đất số 93, tờ bản đồ số 8) đi qua cổng sau trường Trung học phổ thông Quảng Uyên đến nhà ông Lý Khắc Tiệp (hết thửa đất số 8, tờ bản đồ số 33) (tổ dân phố Đông Thái)	1,375	1,031	773	541
1.5	Đường loại V				
	Đoạn từ tiếp giáp nhà ông Hà Quang Hạnh (thửa đất số 139, tờ bản đồ số 20) theo tỉnh lộ 206 đến hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 21.	992	745	559	391
	Đoạn đường từ nhà ông Nông Văn Ba (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 36) theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới Thị trấn (giáp xã Chí Thảo).	992	745	559	391
	Đoạn từ tiếp giáp Cửa hàng xe máy Xuân Hòa (thửa đất số 159, tờ bản đồ số 32) theo đường Quốc lộ 3 đi Cao Bằng đến hết địa giới Thị trấn.	992	745	559	391
	Đoạn đường ATK nối tiếp tỉnh lộ 206 (thửa đất số 57, tờ bản đồ số 20 xóm Pác Cam) theo đường ATK đến hết thửa đất số 20, tờ bản đồ số 39 CSDL xã Quốc Phong cũ (xóm Đà Vỹ)	992	745	559	391
	Đường vào tổ dân phố Đông Thái Đoạn từ nhà ông Lý Ích Hoan (thửa đất số 21, tờ bản đồ số 33) đến nhà ông Lý Ích Sơn (hết thửa đất số 6, tờ bản đồ số 29).	992	745	559	391
	Đường vào xóm Đồng Ất: Đoạn nối từ QL3 (nội thất Trần Khoa (thửa đất số 102, tờ bản đồ số 36)) đến hết nhà ông Đàm Văn Dũng (hết thửa đất số 227, tờ bản đồ số 40).	992	745	559	391
	Các đoạn đường không phân loại đường phố nhập từ xã Quốc Phong				
1.6	Các đoạn đường thuộc xã Quốc Phong cũ				
	Đoạn đường từ vị trí giáp địa giới thị trấn Quảng Uyên cũ theo đường đi xã Phi Hải đến chân dốc Keng Riêng (nhà ông Lâm Văn Báo, hết thửa đất số 121, tờ bản đồ số 45)	992	745	559	447

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ vị trí (thửa đất số 01, tờ bản đồ số 21) xóm Pác Cam theo tỉnh lộ 206, tỉnh lộ 207 đến hết địa giới thị trấn Quảng Uyên (giáp Quảng Hưng, xã Độc Lập)	745	559	447	334
	Đoạn đường từ ngã ba dốc Keng Riêng (nhà bà Nhan Thị Hân, thửa đất số 122, tờ bản đồ số 46) theo đường Thị trấn qua xóm Đà Vĩ (chân dốc Keng Mò)	462	347	260	208
	Đoạn đường ATK đi qua địa phận xã Quốc Phong cũ tiếp giáp với thị trấn Quảng Uyên cũ	462	347	260	208
	Đoạn từ nhà ông Hứa Đức Thuận (thửa đất số 157, tờ bản đồ số 22) qua xóm Bản Chang cũ đến hết xóm Bản Lũng cũ thuộc xóm Quốc Phong	334	251	188	151
	Đoạn đường từ chân Keng Riêng (nhà ông Lâm Văn Báo, thửa đất số 121, tờ bản đồ số 45) đến hết địa phận thị trấn Quảng Uyên (giáp xã Phi Hải)	334	251	188	151
	Đoạn đường từ ngã ba nhà ông Hà Văn Tuấn (thửa đất số 41, tờ bản đồ số 35) đến hết xóm Lũng Luông (nhà ông Vương Văn Cát, hết thửa đất số 28, tờ bản đồ số 33).	334	251	188	151
2	Thị trấn Hòa Thuận				
2.1	Đường phố loại I				
	Đoạn đường từ ngã tư Pò Rịn (nhà ông Lương Văn Khi) theo Quốc lộ 3 cũ đi qua chợ đến ngã năm Pác Tò (hết nhà bà Lục Thị Biên, hết thửa đất số 51, tờ bản đồ số 116)	3,039	2,279	1,709	1,197
	Đoạn đường từ ngã năm Pác Tò (từ nhà ông Đàm Vĩnh Mông, thửa đất số 58, tờ bản đồ số 116) theo đường nội thị qua trung tâm huyện Phục Hòa cũ đến hết đường rẽ vào xóm Bó Luông.	3,039	2,279	1,709	1,197
	Đất mặt tiền đường xung quanh chợ.	3,039	2,279	1,709	1,197
	Đoạn đường từ ngã tư Pác Bó (nay là tổ dân phố 5) từ nhà ông Tổng Văn Quân thửa số 96, tờ bản đồ 115 đến ngã năm Pác Tò (hết nhà bà Lục Thị Biên, hết thửa số 51, tờ bản đồ 116)	3,039	2,279	1,709	1,197
2.2	Đường phố loại II				
	Đoạn đường rẽ vào xóm Bó Luông theo đường trung tâm huyện Phục Hòa cũ đến ngã ba giáp Quốc lộ 3 cũ (cửa hàng xe máy Xuân Hòa).	2,074	1,555	1,166	816
	Đoạn đường từ ngã tư Pò Rịn (nhà ông Ma Thế Lợi, thửa đất số 413, tờ bản đồ số 29) theo đường tránh phố Phục Hòa đến ngã tư xóm Pác Bó (nay là tổ dân phố 5) từ nhà ông Tổng Văn Quân thửa số 96, tờ bản đồ 115	2,074	1,555	1,166	816

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ vòng xuyên ngã năm Pác Tò (nay là tổ dân phố 4) dọc theo Quốc lộ 3 đến cống Cải Suối (nhà bà Đinh Thị Sáu hết thửa đất 58, tờ bản đồ số 143)	2,074	1,555	1,166	816
	Đoạn đường từ nhà bà Mọn (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 37) đến đầu cầu cứng đi theo tỉnh lộ 208, đến nhà ông Mão (hết thửa số đất số 32, tờ bản đồ số 37)	2,074	1,555	1,166	816
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 cũ từ nhà ông Nông Văn Long thửa đất 73 tờ 96 đến đầu cầu treo cũ	2,074	1,555	1,166	816
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 cũ từ nhà ông Lô Hồng Sơn thửa đất số 26 tờ 96 đến hết địa phận đầu cầu cứng (qua xã Mỹ Hưng)	2,074	1,555	1,166	816
	Đoạn đường từ nhà ông Trần Hữu Hoà (thửa đất số 09, tờ bản đồ số 103) (khu lương thực cũ) đến tiếp giáp đường tránh chợ.	2,074	1,555	1,166	816
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 3 (nhà ông Lăng Văn Vươn, thửa đất số 70, tờ bản đồ số 104) đến tiếp giáp đường tránh chợ.	2,074	1,555	1,166	816
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 cũ (nhà ông Lương Văn Lợi, thửa đất số 147, tờ bản đồ số 115) đến tiếp giáp đường tránh chợ.	2,074	1,555	1,166	816
2.3	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ vòng xuyên ngã năm Pác Tò (tổ dân phố 4) từ nhà Ông Lô Văn Thụ (thửa đất số 42, tờ bản đồ số 116) theo hướng tỉnh lộ 208 qua trường THPT Phục Hòa đến hết địa phận thị trấn Hòa Thuận giáp xã Đại Sơn.	1,410	1,057	793	556
	Đoạn đường từ cống Cải Suối theo Quốc lộ 3 (Thửa đất số 93, tờ bản đồ 144 của nhà bà Nguyễn Thị Giang) đến tiếp giáp đường nội thị (ngã ba cửa hàng xe máy Xuân Hòa cũ).	1,410	1,057	793	556
	Đoạn đường tiếp giáp tỉnh lộ 208 (Trung tâm dịch vụ nông nghiệp) qua Trụ sở Huyện ủy cũ hết đường khu tái định cư D, đến nhà ông Nông Văn Thủy (hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 146)	1,410	1,057	793	556
2.4	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ ngã tư Pò Rìn (tổ dân phố 8) từ nhà ông Nông Văn Mão, thửa đất số 32, tờ bản đồ số 37 theo Quốc lộ 3 đến ngã ba đường rẽ vào xóm Nà Rải cũ thuộc Tổ dân phố 8.	1,019	765	573	402
	Đoạn đường từ tiếp giáp đường nội thị rẽ vào đường bê tông đi xóm Bó Luông đến hết địa phận thị trấn Hòa Thuận giáp xã Đại Sơn.	1,019	765	573	402
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Nà Rải cũ thuộc Tổ dân phố 08 theo Quốc lộ 3 đến hết địa giới cũ thị trấn Hòa Thuận - xã Lương Thiện.	1,019	765	573	402

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba Xuân hòa theo quốc lộ 3 đến hết địa giới thị trấn Hòa Thuận (giáp thị trấn Tà Lùng).	1,019	765	573	402
	Đoạn đường từ ngã năm Pắc Tò (thuộc tổ dân phố 4) đi theo đường Cách Linh cũ tiếp giáp với đường tỉnh lộ 208.	1,019	765	573	402
	Đoạn đường từ nhà ông Hà Văn Thế (thửa đất số 419, tờ bản đồ số 51) tiếp giáp Quốc lộ 3 đi qua nhà ông Lê Tuấn Vương thửa đất số 150, tờ bản đồ 51 đến tiếp giáp đường nội thị trung tâm huyện lỵ cũ.	1,019	765	573	402
2.5	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ vào khu dân cư Nà Răng - Tổ dân phố 08 theo QL3 đến hết đất địa giới cũ thị trấn Hoà Thuận - xã Lương Thiện.	736	552	414	289
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 3 vào Tổ dân phố 10.	736	552	414	289
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 3 vào Tổ dân phố 09.	736	552	414	289
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 3 vào xóm Nà Rài cũ thuộc Tổ dân phố 08.	736	552	414	289
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 3 vào xóm Bó Pu - Nà Răng cũ thuộc Tổ dân phố 08	736	552	414	289
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 3 vào xóm Bó Pu - Nà Seo cũ thuộc Tổ dân phố 08, Tổ dân phố 09.	736	552	414	289
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 3 vào xóm Pò Rịn cũ thuộc Tổ dân phố 08.	736	552	414	289
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 3 vào Tổ dân phố 03	736	552	414	289
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 3 vào xóm Nà Mười cũ thuộc Tổ dân phố 02.	736	552	414	289
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 3 vào xóm Bó Chiềng cũ thuộc Tổ dân phố 01.	736	552	414	289
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 3 vào xóm Bản Cải cũ thuộc Tổ dân phố 01.	736	552	414	289
	Đoạn đường rẽ từ Quốc lộ 3 vào xóm Cốc Khau cũ thuộc Tổ dân phố 02.	736	552	414	289
	Đoạn đường tỉnh lộ tiếp giáp xóm Đoòng Lềng (thị trấn Tà Lùng) theo đường đi Cách Linh đến hết đất địa giới thị trấn Hoà Thuận (giáp xã Đại Sơn).	736	552	414	289
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 sau nhà ông Phan Văn Điệp thửa đất 266 tờ bản đồ 63 đến hết địa phận đường rẽ vào nhà thờ Bó Tờ nay là tổ dân phố 3.	736	552	414	289
	Các đoạn đường không phân loại đường phố nhập từ xã Lương Thiện				
2.6	Các đoạn đường thuộc xã Lương Thiện cũ				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Cốc Xả (đỉnh đèo Khau Chia) theo Quốc lộ 3 qua trụ sở UBND xã Lương Thiện cũ đến hết xóm Lũng Cọ	394	296	221	177
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ vào xóm Búng Ó theo đường liên xã đi qua xóm Bản Chang đến hết xóm Nà Dạ (Nhà Ông Lâm Văn Đáng (hết thửa đất số 04, tờ bản đồ số 03)).	394	296	221	177
3	Thị trấn Tà Lùng				
3.1	Đường phố loại I				
	Đoạn đường từ đầu Cầu Tà Lùng - Thủy Khẩu I đến ngã ba đường rẽ vào Nhà máy sản xuất và lắp ráp bình ắc quy (Công ty TNHH ắc quy green Cao Bằng) và các vị trí đất xung quanh đỉnh Chợ Trung tâm thương mại cửa khẩu Tà Lùng.	3,039	2,279	1,709	1,197
	Đoạn đường từ ngã tư vào xóm Hưng Long theo trục đường chính (đường một chiều) đến tiếp giáp đường QL 3 (xóm Pò Tập).	3,039	2,279	1,709	1,197
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ vào khu tái định cư 47(1) đến tiếp giáp với đường trục chính (cạnh Chi cục Hải Quan).	3,039	2,279	1,709	1,197
	Các lô đất thuộc khu tái định cư thị trấn Tà Lùng thuộc lô Quy hoạch số 47(2) theo trục đường quy hoạch (nhà nghỉ Trung Đức 1 (thửa đất số 132, tờ bản đồ số 65)) đến tiếp giáp đoạn đường A10-E5-N9, A11 - F6 - N10, E5 - E6.	3,039	2,279	1,709	1,197
	Đoạn đường tiếp giáp đường một chiều từ sân tennis nhà khách Đồn Biên phòng cửa khẩu Tà Lùng (thửa đất số 39; tờ bản đồ số 70) đến đầu Cầu Tà Lùng - Thủy Khẩu II (thửa đất số 12; tờ bản đồ số 73)	3,039	2,279	1,709	1,197
	Đoạn đường tiếp giáp Quốc lộ 3 từ Lô 343, mb 47(4) (thửa đất số 69; tờ bản đồ số 46) đến Lô 175, mb 47(3) giáp đường một chiều (hết thửa đất số 79; tờ bản đồ số 52)	3,039	2,279	1,709	1,197
3.2	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ vào nhà máy pin (Công ty TNHH Green) dọc theo trục Quốc lộ 3 đến hết ngã ba đường rẽ đi xã Cách Linh.	2,074	1,555	1,166	816
	Đoạn đường từ ngã tư rẽ theo đường trục chính vào xóm Hưng Long đến ngã ba tiếp giáp với đường Quốc lộ 3.	2,074	1,555	1,166	816
	Đoạn đường A10-E5-N9, A11 - F6 - N10, E5E6 đi qua sau Đồn biên phòng (từ đầu nối từ QL3 đến đường một chiều qua nhà văn hóa Hưng Long).	2,074	1,555	1,166	816

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ nhà ông Trương Văn Bình (thửa đất số 5, tờ bản đồ số 92) đến hết đường quy hoạch nhà bà Phan Thị Hồng (hết thửa đất số 01, tờ bản đồ số 18)	2,074	1,555	1,166	816
	Đoạn đường tiếp giáp đường Cầu Tà Lùng - Thủy Khẩu II (thửa đất số 39; tờ bản đồ số 70) đến giáp công công ty TNHH dịch vụ vận tải Phú Anh (thửa đất số 12; tờ bản đồ số 73)	2,074	1,555	1,166	816
	Đoạn đường tiếp giáp Quốc lộ 3 từ nhà bà Lô Thị Khanh (thửa đất số 16; tờ bản đồ số 77) đến tiếp giáp với đoạn đường Cầu Tà Lùng - Thủy Khẩu II nối đến công công ty TNHH dịch vụ vận tải Phú Anh (thửa đất số 25; tờ bản đồ số 77)	2,074	1,555	1,166	816
	Đoạn đường nối từ đường nhánh giữa Chợ Trung tâm thương mại cửa khẩu Tà Lùng và Trung tâm văn hóa Hữu nghị Tà Lùng (thửa đất số 33; tờ bản đồ số 82) đến thửa đất số 23, tờ bản đồ 77 của ông Trần Cao Bằng.	2,074	1,555	1,166	816
3.3	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ ngã ba Đổng Lèng thuộc tổ dân phố Đoàn Kết vào đến công Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.	1,410	1,057	793	556
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ đi xã Cách Linh đến đoạn tiếp giáp với đường một chiều.	1,410	1,057	793	556
	Đoạn đường từ nhà ông Lưu Danh Phụng (thửa đất số 96, tờ bản đồ số 09) dọc đường Quốc lộ 3 đến hết địa phận thị trấn Tà Lùng.	1,410	1,057	793	556
3.4	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ ngã 3 Quốc lộ 3 đi qua đồn biên phòng theo đường bê tông qua trường mầm non Tà Lùng đến nhà văn hóa Hưng Long.	1,019	765	573	402
	Đoạn đường từ ngã ba xóm Đổng Lèng cũ thuộc tổ dân phố Đoàn Kết (đường đi xã Cách Linh) đi theo đường tỉnh lộ 205 hết địa phận thị trấn Tà Lùng giáp thị trấn Hòa Thuận.	1,019	765	573	402
3.5	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ quốc lộ 3 xóm Phia Khoang rẽ xuống mốc 942 giáp bờ sông Bắc Vọng.	736	552	414	289
	Đoạn đường tiếp giáp quốc lộ 3 rẽ vào nhà máy pin.	736	552	414	289
	Đoạn đường từ quốc lộ 3 cổng đồn Biên phòng Tà Lùng rẽ vào khu Tân Lập xóm Bó Pu đến hết địa phận thị trấn Tà Lùng giáp thị trấn Hòa Thuận.	736	552	414	289

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã tư rẽ vào xóm Hưng Long theo đường bê tông đến đầu cầu treo Tà Lùng - Nhà Thăm.	736	552	414	289
	Đoạn đường từ công nhà máy đường vào xóm Pác Phéc đến hết địa phận thị trấn Tà Lùng giáp xóm Cốc Khau - thị trấn Hòa Thuận.	736	552	414	289
	Đoạn đường tiếp giáp quốc lộ 3 từ nhà ông Lý Văn Chảo (thửa đất số 110, tờ bản đồ số 19) vào đến nhà văn hóa xóm Bó Pu đi theo đường cấp phối ra đến tiếp giáp đường quốc lộ 3 xóm Đoòng Lèng cũ thuộc tổ dân phố Đoàn Kết.	736	552	414	289
IX	Huyện Hòa An				
1	Thị trấn Nước Hai				
1.1	Đường phố loại I				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ cầu Bản Sậy đến cầu Roòng Ồ	4,277	3,208	2,406	1,684
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ theo đường vào đến Trạm cấp nước.	4,277	3,208	2,406	1,684
	Đoạn đường xung quanh chợ Nước Hai	4,277	3,208	2,406	1,684
1.2	Đường phố loại II				
	Đoạn đường từ nhà ông Đặng Văn Ngọc (thửa đất số 55, tờ bản đồ số 22) Phố A đến hết nhà bà Lê Thị Toan (hết thửa đất số 167, tờ bản đồ số 22) Phố A và các đoạn đường nhánh:	2,920	2,190	1,642	1,150
	+ Từ nhà bà Bế Thị Tuyên (thửa đất số 118, tờ bản đồ số 22) Phố A đến nhà bà Vương Thị Nụ (hết thửa đất số 69, tờ bản đồ số 22) Phố A;	2,920	2,190	1,642	1,150
	+ Từ nhà bà Lê Thị Hoa (thửa đất số 28, tờ bản đồ số 28) Phố A đến nhà ông Vương Minh Nhật (hết thửa đất số 199, tờ bản đồ số 22) Phố A;	2,920	2,190	1,642	1,150
	+ Từ nhà bà Lê Thị Toan (thửa đất số 167, tờ bản đồ số 22) Phố A đến nhà ông Hoàng Lương Cam (hết thửa đất số 105, tờ bản đồ số 22) Phố A.	2,920	2,190	1,642	1,150
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh (nhà ông Lê Xuân Diệu (thửa đất số 40, tờ bản đồ số 32)) theo đường đi Trạm thuốc lá đến Trạm thuốc lá.	2,920	2,190	1,642	1,150
	Đoạn từ Trạm cấp nước đến ngã tư Huyện đội.	2,920	2,190	1,642	1,150
	Đoạn đường từ ngã tư Huyện đội theo đường nhựa đến trường Trung học cơ sở Nước Hai (đến hết đường nhựa).	2,920	2,190	1,642	1,150
	Đoạn đường nối từ đường Hồ Chí Minh (Công an huyện) đến ngã tư huyện đội.	2,920	2,190	1,642	1,150
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ lên Kho bạc huyện đến hết trụ sở Kho bạc mới	2,920	2,190	1,642	1,150
1.3	Đường phố loại III				
	Đoạn đường từ nhà bà Bế Thị Cúc (thửa đất số 16, tờ bản đồ số 26) đến ngã tư trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật.	1,902	1,427	1,071	750

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã tư Huyện đội đến hết Trại giam	1,902	1,427	1,071	750
1.4	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ thửa đất số 120, tờ bản đồ số 15 của ông Nông Văn Chung xóm Bằng Hà đến nhà ông Đặng Đình Huân (hết thửa đất số 243 tờ bản đồ số 01669-90) xóm Bằng Hà	1,316	986	739	517
1.5	Các đoạn đường không phân loại đường phố nhập từ các xã vào thị trấn				
-	Đoạn đường thuộc xã Đức Long cũ				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ cầu Roồng Ổ đến đầu cầu Nà Coóc.	2,406	1,804	1,352	1,082
-	Các đoạn đường thuộc xã Bế Triều cũ				
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ đường rẽ vào xóm 10 Bế Triều đến đầu cầu Bản Sậy	2,406	1,804	1,352	1,082
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ giáp xã Hưng Đạo đến đường rẽ vào xóm 10 Bế Triều (Khau Lừa)	1,904	1,428	1,070	857
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh rẽ đi xã Hồng Việt đến đầu cầu Hồng Việt	1,434	1,075	806	646
	Đoạn đường liên xã Nước Hai - Đại Tiến có nhánh rẽ vào xóm 3 Bế Triều hết đường ô tô đi lại được.	701	526	395	316
	Đoạn từ đường Hồ Chí Minh theo đường nhánh rẽ vào xóm 9 Bế Triều	701	526	395	316
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ đường rẽ vào xóm 7 Bế Triều	701	526	395	316
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào Nhà bia tưởng niệm xã Bế Triều cũ đến chân đồi Khau Siêm.	701	526	395	316
	Đoạn đường Hồ Chí Minh từ đường rẽ vào xóm 8 Bế Triều	701	526	395	316
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ Lò Bát Cầu Khanh đến Nhà văn hóa xóm 9 Bế Triều	701	526	395	316
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào đến Nghĩa trang liệt sỹ huyện.	701	526	395	316
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào đến hết Nhà văn hóa xóm 11 Bế Triều (An Phú).	701	526	395	316
	Đoạn đường từ đường Tỉnh lộ 203 cũ rẽ vào đến hết Nhà văn hóa xóm 11 Bế Triều (Nà Vài).	701	526	395	316
	Đoạn đường từ nhà ông Lưu Ngọc Huân (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 31) xóm 2 Bế Triều đến hết xóm 3 Bế Triều	701	526	395	316
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh rẽ vào xóm 4 Bế Triều (Khau Còi) đến hết nhà ông Nguyễn Văn Tâm (hết thửa đất số 344, tờ bản đồ số 42) xóm 4 Bế Triều (Bản Sậy)	701	526	395	316

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đường Hồ Chí Minh (trạm biến áp) rẽ vào xóm 4 Bể Triều đến hết nhà bà Nguyễn Thị Oanh (hết thửa đất số 380, tờ bản đồ số 43) xóm 4 Bể Triều	701	526	395	316
-	Các đoạn đường thuộc xã Hồng Việt cũ				
	Đoạn đường từ cầu cứng Hồng Việt đến ngã ba Vò Ấu xóm Nà Mè	701	526	395	316
X	Thành phố Cao Bằng				
1	Phường Hợp Giang				
1.1	Đường loại I				
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ phố Thầu (tiếp giáp nhà ông Nguyễn Công Vũ số nhà 183 (thửa đất số 60, tờ bản đồ số 21) theo phố Kim Đồng đến ngã ba Công ty cổ phần Xây lắp Cao Bằng	34,560	25,920	19,440	13,608
	Toàn bộ vị trí mặt tiền của đường xung quanh chợ Trung tâm.	34,560	25,920	19,440	13,608
1.2	Đường loại II				
	Đoạn đường từ ngã tư giao cắt giữa đường Hoàng Như với đường Đàm Quang Trung chạy theo phố Đàm Quang Trung đến cổng trụ sở UBND thành phố, rẽ phải theo phố Hoàng Văn Thụ đến ngã tư giao cắt giữa đường với Xuân Trường (ngã tư đèn tín hiệu giao thông, gần Công ty Sách và Thiết bị trường học), rẽ phải theo phố Xuân Trường đến ngã ba giao cắt phố Kim Đồng (đoạn chợ Xanh)	23,582	17,687	13,265	9,286
	Đoạn đường từ ngã ba Công ty Cổ phần Xây lắp, theo phố Vườn Cam đến đường rẽ vào ngõ 111- tổ 23	23,582	17,687	13,265	9,286
	Toàn bộ đường phố Hoàng Như	23,582	17,687	13,265	9,286
1.3	Đường loại III				
	Đoạn đường từ ngõ 111- tổ 23 chạy dọc hết phố Vườn Cam (cổng Sân vận động)	16,036	12,026	9,020	6,314
	Đoạn đường từ ngã tư đường phố Hoàng Như và Nguyễn Du, chạy theo phố Nguyễn Du đến ngã ba gặp đường Phố Cũ, rẽ phải đến hết Phố Cũ;	16,036	12,026	9,020	6,314
	Đoạn đường từ ngã tư đầu cầu Sông Hiến, dọc theo phố Hiến Giang đến ngõ 120 Hiến Giang (sau nhà tập thể 3 tầng A2 Nước Giáp).	16,036	12,026	9,020	6,314
1.4	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ ngõ 120 Hiến Giang (sau nhà tập thể 3 tầng A2 Nước Giáp), dọc theo phố Nước Giáp đến ngã ba gặp phố Hoàng Văn Thụ;	11,585	8,689	6,517	4,561

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã tư đường phố Nguyễn Du và Bế Văn Đàn, chạy theo phố Bế Văn Đàn đến ngã ba chân dốc Hợp Thành cũ, rẽ phải sang đường phố Cũ đến ngã ba gặp phố Nguyễn Du;	11,585	8,689	6,517	4,561
	Đoạn đường tránh Sân vận động	11,585	8,689	6,517	4,561
1.5	Đường loại V				
	Từ ngã ba chân dốc Hợp Thành cũ, theo phố Bế Văn Đàn đến mốc địa giới hành chính giữa phường Hợp Giang và Tân Giang.	8,371	6,278	4,709	3,296
2	Phường Tân Giang				
2.1	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ lối rẽ xuống chợ Tân Giang, theo đường Đông Khê đến hết nhà Bưu cục số 3	11,585	8,689	6,517	4,561
2.2	Đường loại V				
	Đoạn đường từ mốc địa giới hành chính phường Hợp Giang và Tân Giang chạy theo đường Đông Khê đến lối rẽ xuống chợ Tân Giang	8,371	6,278	4,709	3,296
	Đoạn đường từ nhà Bưu cục số 3, theo đường Đông Khê đến cầu Khau Pòn và trường Mầm non Tân Giang	8,371	6,278	4,709	3,296
2.3	Đường loại VI				
	Đoạn đường từ mốc địa giới giữa phường Tân Giang và Hợp Giang (phía cổng phụ Rạp hát ngoài trời) theo đường Tân An đến ngã tư chân dốc trụ sở Công an tỉnh	6,048	4,536	3,402	2,382
2.4	Đường loại VII				
	Đoạn đường từ cầu Khau Pòn và trường mầm non Tân Giang theo đường Đông Khê đến hết địa giới hành chính phường Tân Giang (cầu Sóc Lực) giáp với phường Duyệt Trung	4,370	3,277	2,458	1,721
	Đoạn đường từ ngã tư chân dốc trụ sở Công an tỉnh theo đường vào khu dân cư thủy lợi và bệnh viện Y học cổ truyền đến ngã ba gặp đường Đông Khê	4,370	3,277	2,458	1,721
2.5	Đường loại VIII				
	Đoạn đường từ ngã tư chân dốc trụ sở Công an tỉnh theo đường lên Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng qua cổng Công ty Thủy Nông đến khu dân cư D44	3,156	2,368	1,776	1,243
	Đoạn đường từ ngã tư chân dốc trụ sở Công an tỉnh theo đường đi Tân an đến hết địa giới phường Tân Giang giáp với phường Hòa Chung	3,156	2,368	1,776	1,243
2.6	Đường loại IX				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ vào Công ty Thủy nông theo đường sang mỏ muối đến ngã 3 mỏ muối rẽ sang đường đi địa chất đến hết địa giới phường Tân Giang giáp với phường Hòa Chung	2,281	1,711	1,283	898
	Đoạn đường từ đường Đông Khê rẽ vào khu phố văn hóa Tân Bình 1 đến hết khu dân cư Xí nghiệp Dược	2,281	1,711	1,283	898
2.7	Đường loại X				
	Đoạn đường từ đường Đông Khê rẽ lên đồi Mát đến trường tiểu học Tân Giang	1,648	1,236	926	649
	Đoạn đường từ ngã 3 có lối rẽ lên khu dân cư xí nghiệp dược theo đường vào khu Kéo Mơ thuộc tổ dân phố 12 gặp đường tránh Quốc lộ 34B	1,648	1,236	926	649
3	Phường Sông Hiến				
3.1	Đường loại III				
	Đoạn đường từ đầu cầu Sông Hiến theo đường Phai Khắt Nà Ngần (mới) đến hết ranh giới thửa đất quán Karaoke KTV hộ bà Nông Thị Xuân (thửa đất số 75, tờ bản đồ 66)	16,036	12,026	9,020	6,314
3.2	Đường loại IV				
	Đoạn đường từ giáp quán Karaoke KTV theo đường Phai khắt Nà ngàn (mới) đến đầu cầu Gia Cung.	11,585	8,689	6,517	4,561
	Đường phía Nam khu đô thị mới thành phố Cao Bằng (đường 58m - nay là đường Võ Nguyên Giáp) đến điểm vượt nối với đường liên tổ 13-29 hiện nay (thuộc tổ 8-16 mới sau sáp nhập tổ dân phố)	22,714	17,036	12,778	9,584
3.3	Đường loại V				
	Đoạn từ Đầu cầu Gia Cung theo đường Phai Khắt Nà Ngần đến đường rẽ tổ 10-8 (gần khách sạn Huy Hoàng)	8,371	6,278	4,709	3,296
	Đoạn đường từ đầu cầu nà Cáp theo Quốc lộ III đến hết địa giới hành chính phường Sông Hiến (tiếp giáp đường Đề Thám)	8,371	6,278	4,709	3,296
3.4	Đường loại VI				
	Đoạn đường từ Ngã ba đường 1-4 và đường Thanh Sơn, theo đường 1-4 đến hết địa giới hành chính phường Sông Hiến (tiếp giáp phường Hòa Chung)	6,048	4,536	3,402	2,382
	Đoạn đường từ ngã ba có lối rẽ vào đường liên tổ dân phố 06 (gần Khách sạn Huy Hoàng) theo đường Phai Khắt - Nà Ngần đến hết địa giới phường Sông Hiến (giáp phường Đề Thám)	6,048	4,536	3,402	2,382
	Đoạn đường nối từ đường Phai Khắt nà Ngần rẽ theo đường vào nhà máy cơ khí (cũ) đến giáp mặt bằng tái định cư đường phía nam (khu I)	6,048	4,536	3,402	2,382
3.5	Đường loại VII				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đường Phai Khắt Nà Ngần rẽ theo đường vào Hợp tác xã Hồng Tiến đến Ngã tư có lối rẽ đi khu dân cư tổ 12 và tổ 29	4,370	3,277	2,458	1,721
	Đoạn đường từ điểm nối với Quốc lộ 3 rẽ lên đường trường THCS Sông Hiến 2 đến cổng trường.	4,370	3,277	2,458	1,721
	Đoạn đường từ tiếp giáp mặt bằng Tái định cư II rẽ theo đường nhà bia Liệt Sỹ đến cổng trường mầm non tư thục Hoa Phượng (thửa đất số 67, tờ bản đồ 49)	4,370	3,277	2,458	1,721
	Đoạn đường từ ngã 3 có lối rẽ vào đường tổ dân phố 06 (gần khách sạn Huy Hoàng) theo đường tổ dân phố 06 đến giáp mặt bằng khu tái định cư 2 Nà Cáp	4,370	3,277	2,458	1,721
	Đoạn đường từ thửa đất số 125, tờ bản đồ số 65 (giáp đường Khau Cuốn) theo đường bê tông đến tiếp giáp đường 58m (nay là đường Võ Nguyên Giáp)	4,229	2,961	2,073	1,452
	Đoạn đường tiếp giáp đường Thanh Sơn từ thửa đất số 116, tờ bản đồ 101 (Nhà nghỉ Đồng Tâm), theo đường tổ dân phố 16 đến ngã ba gặp đường 58m (nay là đường Võ Nguyên Giáp)	4,370	3,277	2,458	1,721
3.6	Đường loại VIII				
	Đoạn đường từ điểm vượt nối với đường Phai Khắt Nà Ngần rẽ theo đường vào Trung tâm giáo dục thường Xuyên đến hết ranh giới Trung tâm Giáo dục Thường Xuyên	3,156	2,368	1,776	1,243
	Đoạn đường Thanh Sơn từ ngã ba thửa đất số 116, tờ bản đồ 101 (Nhà nghỉ Đồng Tâm) theo đường Đồng Tâm đến tiếp giáp trục đường 58m (nay là đường Võ Nguyên Giáp)	2,746	2,269	1,701	1,192
3.7	Đường loại X				
	Đoạn đường từ điểm vượt nối với trục đường 58m (nay là đường Võ Nguyên Giáp) theo đường bãi rác Khuổi Kép đến ngã ba có lối rẽ lên bãi đỗ thải	1,585	1,111	779	546
4	Phường Sông Bằng				
4.1	Đường phố loại III				
	Đoạn từ đầu cầu Bằng Giang theo đường Lê Lợi đến hết Cửa hàng Xăng dầu số 1 (đối diện là hết thửa đất nhà bà Trần Thị Oanh thửa đất số 01, tờ bản đồ số 51).	16,036	12,026	9,020	6,314
	Đoạn đường từ đầu cầu Nà Cạn theo đường 3-10 đến đầu cầu Hoàng Nga.	16,036	12,026	9,020	6,314
4.2	Đường phố loại IV				
	Đoạn đường từ đường rẽ xuống nhà sinh hoạt cộng đồng tổ 2+3, theo đường Pác Pó (đối diện là hết thửa đất nhà ông Nguyễn Đắc Thắng (thửa đất số 79, tờ bản đồ số 45)) đến hết địa giới phường Sông Bằng	11,585	8,689	6,517	4,561

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ đường 3-10 theo đường vào Trung tâm Huấn luyện thể thao đến cổng Công ty Cổ phần chế biến trúc, tre xuất khẩu Cao Bằng và đoạn đường từ Trung tâm truyền hình cáp đến hết Trung tâm nội tiết, đoạn từ ngã ba đường (cạnh thửa đất nhà ông Nguyễn Văn Ba (thửa đất số 193, tờ bản đồ số 63)) rẽ vào khu chung cư tổ 23 đến hết thửa đất nhà ông Nguyễn Anh Dũng (thửa số 20, tờ bản đồ số 68).	11,585	8,689	6,517	4,561
4.3	Đường phố loại VII				
	Đoạn đường từ đường 3-10 rẽ vào Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh đến ngã ba có lối rẽ lên Trung tâm.	4,370	3,277	2,458	1,721
	Đoạn đường từ ngã ba khu dân cư Nà Cạn I theo đường đi Nhà máy sản xuất bột giấy đến ngã ba có đường rẽ vào khu dân cư tổ 20 (đối diện là hết thửa đất nhà ông Bé Văn Cương (thửa đất số 116, tờ bản đồ số 71)).	4,370	3,277	2,458	1,721
	Đoạn đường từ chân dốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Cao Bằng đi theo đường bê tông qua đằng sau Bệnh viện đa khoa thành phố đến ngã ba cây xăng số 1 gặp đường Lê Lợi	4,370	3,277	2,458	1,721
4.4	Đường phố loại IX				
	Đoạn từ tiếp giáp thửa đất nhà ông Hoàng Văn Trung (thửa đất số 53, tờ bản đồ số 38), đối diện là tiếp giáp nhà ông Hoàng Dương Quý (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 38) theo đường Lê Lợi đến hết địa giới phường Sông Bằng.	2,281	1,711	1,283	898
	Đoạn đường từ ngã ba đường Lê Lợi (cạnh thửa đất nhà bà Trần Thu Hiền (thửa đất số 161 tờ bản đồ số 47)) rẽ theo đường lên khu dân cư tổ 5 đến hết UBND phường Sông Bằng (thửa đất số 93, tờ bản đồ số 46).	2,281	1,711	1,283	898
4.5	Đường phố loại X				
	“Đoạn đường từ trạm đo lưu lượng thủy văn (đối diện là thửa đất nhà bà La Thị Mận (thửa đất số 41, tờ bản đồ 17) đến hết địa giới phường Sông Bằng”.	1,373	1,030	772	541
	Đoạn từ đường Pác Bó theo đường lên khu dân cư tổ 01 đến hết nhà ông Nguyễn Ngọc Lâm (thửa đất số 52, tờ bản đồ số 41).	1,648	1,236	926	649
	Đoạn đường từ đường Pác Bó theo đường vào khu dân cư tổ 01 đến hết thửa đất nhà ông Vĩnh (thửa đất số 12, tờ bản đồ số 35)	1,648	1,236	926	649
5	Phường Ngọc Xuân				
5.1	Đường phố loại V				
	Đoạn từ giáp ranh phường Sông Bằng theo đường Pác Bó đến đầu cầu Gia Cung.	8,371	6,278	4,709	3,296
	Đoạn đường từ đầu cầu Bằng Giang mới theo đường tránh Quốc lộ 3 qua khu tái định cư số 1 (phường Ngọc Xuân) đến cầu Khuổi Đứa.	8,371	6,278	4,709	3,296

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
5.2	Đường phố loại VI				
	Đường Pác Bó, đoạn đường từ ngã ba Gia Cung theo đường Pác Bó đến đường tròn Ngọc Xuân.	6,048	4,536	3,402	2,382
5.3	Đường phố loại VII				
	Đường Pác Bó, đoạn đường từ đường Pác Bó (Siêu thị Ngọc Xuân) theo đường đi Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng đến nhà ông Lê Hồng Hải tổ 05 (thửa đất số 148, tờ bản đồ số 47) ngã ba khu tái định cư số I (phường Ngọc Xuân).	4,370	3,277	2,458	1,721
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn từ đường tròn Ngọc Xuân đến ngã ba có lối rẽ xuống đường cầu Ngâm cũ.	4,370	3,277	2,458	1,721
5.4	Đường phố loại VIII				
	Đường Pác Bó, đoạn đường từ đường Pác Bó rẽ vào đường khu dân cư tổ dân phố 05, tổ dân phố 10 đến ngã ba có đường rẽ vào Trường Tiểu học Ngọc Xuân.	3,156	2,368	1,776	1,243
	Đường tránh Quốc lộ 3, đoạn từ thửa đất số 51, tờ bản đồ số 18 (đất của nhà ông Nông Nghĩa Phương tổ dân phố 05) theo đường tránh Quốc lộ 3 đến hết địa phận phường Ngọc Xuân	3,156	2,368	1,776	1,243
	Đường Pác Bó, đoạn đường từ đường Pác Bó rẽ theo đường vào khu dân cư tổ dân phố 06, chạy qua khu dân cư tổ dân phố 06, ra đến đầu cầu Gia Cung.	3,156	2,368	1,776	1,243
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn đường từ ngã ba có lối rẽ xuống cầu Ngâm cũ, theo đường tỉnh lộ 203 đến ngã ba có đường rẽ vào xưởng tuyển quặng của Công ty Măng gan.	3,156	2,368	1,776	1,243
5.5	Đường phố loại IX				
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn đường từ ngã ba đường đi vào Công ty Măng gan, theo đường tỉnh lộ 203 đến hết địa giới phường Ngọc Xuân.	2,281	1,711	1,283	898
5.6	Đường phố loại X				
	Đường tỉnh lộ 203, đoạn đường rẽ xuống đường khu dân cư và đường nội đồng Nà Lành	1,648	1,236	926	649
6	Phường Đề Thám				
6.1	Đường phố loại V				
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ vào Bản Lầy (tại tổ 3) theo Quốc lộ 3 cũ đến ngã ba có đường rẽ vào tuyến đường E (tại tổ 11 - Tổ 7 sau sáp nhập).	8,371	6,278	4,709	3,296
	Đoạn từ ranh giới giữa phường Đề Thám - Sông Hiến theo đường tránh quốc lộ 3 đến ngã ba có đường rẽ sang đường Hồ Chí Minh (tại tổ 19 - Tổ 11 sau sáp nhập)	8,371	6,278	4,709	3,296
	Đường phía Nam khu đô thị mới thành phố Cao Bằng (đường 58m - nay là đường Võ Nguyên Giáp) thuộc địa bàn phường Đề Thám (từ giáp tổ 32 phường sông Hiến đến giáp xã Hưng Đạo)	7,671	5,370	3,759	2,632

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn đường từ Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh Cao Bằng theo trục đường trước mặt trung tâm hội nghị tỉnh đến tiếp giáp khu tái định cư khu đô thị mới Đề Thám.	8,371	6,278	4,709	3,296
6.2	Đường phố loại VI				
	Đoạn đường từ địa giới hành chính giữa phường Đề Thám và phường Sông Hiến, theo Quốc lộ 3 đến ngã ba có đường rẽ vào Bản Lầy.	6,048	4,536	3,402	2,382
	Từ Quốc lộ 3 cũ theo đường vào chợ trung tâm Km5 đến gặp đường tránh Quốc lộ 3	6,048	4,536	3,402	2,382
	Đoạn đường có đường rẽ xuống đường Hồ Chí Minh theo đường tránh Quốc Lộ 3 đến hết địa giới hành chính phường Đề Thám (tiếp giáp xã Hưng Đạo).	6,048	4,536	3,402	2,382
6.3	Đường phố loại VII				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3, rẽ theo đường vào Trường Cao đẳng Sư phạm đến cổng trường.	4,370	3,277	2,458	1,721
	Đoạn đường rẽ tuyến E theo quốc lộ 3 cũ đến cầu Nà Tanh (hết địa phận phường Đề Thám)	4,370	3,277	2,458	1,721
	Đoạn ngã ba tiếp giáp đường phía Nam (đường 58) theo tuyến E đến ngã ba tiếp giáp đường Quốc lộ 3 cũ (tổ 7)	4,370	3,277	2,458	1,721
6.4	Đường phố loại VIII				
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 vào Trung tâm Giáo dục thường xuyên đến hết Trung tâm Giáo dục thường xuyên.	3,156	2,368	1,776	1,243
	Đường trong khu đất phân lô CN6 (Khu đất lò luyện gang)	3,156	2,368	1,776	1,243
	Đoạn đường từ Quốc lộ 3 rẽ theo đường vào Trường Nội trú tỉnh đến gặp đường tránh Quốc lộ 3.	5,958	4,470	3,353	2,515
	Đoạn từ đường Quốc lộ 3 rẽ vào Bản Mới đến đường tránh Quốc lộ 3.	3,156	2,368	1,776	1,243
	Đoạn đường từ ngã ba QL3 cũ tại tổ 20 (Tổ 12 sau sáp nhập) theo đường đi vào tổ 22 đến gặp tiếp giáp đường phía Nam khu đô thị mới thành phố Cao Bằng (đường 58m - nay là đường Võ Nguyên Giáp).	3,156	2,368	1,776	1,243
6.5	Đường phố loại IX				
	Đoạn đường từ đường 58m (nay là đường Võ Nguyên Giáp) theo đường vào đến cổng kho Hậu cần KM7 thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Cao Bằng (Tổ 22 - Tổ 12 sau sáp nhập).	1,901	1,426	1,069	748
6.6	Đường phố loại X				
	Đoạn đường từ Cầu bê tông bắc qua suối Khau Rọc (Tổ 23 - Tổ 12 sau sáp nhập) đi theo đường vào đến khu tái định cư Cụm Công nghiệp Đề Thám.	2,945	2,207	1,654	1,240
7	Phường Hòa Chung				

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
7.1	Đường phố loại VI				
	Đoạn đường từ ranh giới phường Sông Hiến và phường Hoà Chung, theo đường 1- 4 đến cổng trường Chính trị Hoàng Đình Giông.	6,048	4,536	3,402	2,382
7.2	Đường phố loại VII				
	Đoạn đường từ cổng Trường Chính trị Hoàng Đình Giông, theo đường 1- 4 đến cổng Trường Trung học phổ thông Chuyên.	4,370	3,277	2,458	1,843
	Đoạn từ cổng trường chính trị Hoàng Đình Giông theo đường đi Nà Lắc đến ngã ba gặp đường Nà Chường- Nà Lắc.	4,370	3,277	2,458	1,843
	Đoạn đường từ đường 1- 4, rẽ theo đường vào Trường Tiểu học Hoà Chung đến ngã ba đường Nà Lắc rẽ lên Trường chính trị Hoàng Đình Giông.	4,370	3,277	2,458	1,843
7.3	Đường phố loại VIII				
	Đoạn đường Nà Chường - Nà Lắc từ ngã ba đường Nà Lắc rẽ lên Trường Chính trị Hoàng Đình Giông đến đầu cầu Tân An.	3,156	2,368	1,776	1,243
	Đoạn đường từ ngã ba địa giới hành chính giữa phường Tân Giang và phường Hòa Chung theo đường Tân An đến đường nối quốc lộ 3 - 4A và nhánh đến đầu cầu Tân An	3,156	2,368	1,776	1,243
	Đoạn từ ngã ba địa giới phường Tân Giang và phường Hòa Chung, theo đường đi Canh Tân - Minh Khai đến ngã ba có đường rẽ đi làng Nà Rựa.	3,156	2,368	1,776	1,243
7.4	Đường phố loại IX				
	Đoạn đường từ tiếp giáp nhà ông Nông Hồng Đại (thửa đất số 4, tờ bản đồ số 32) theo đường lên Trại giam giữ thuộc Công an thành phố đến tiếp giáp nhà ông Lương Minh Thâm (thửa đất số 31, tờ bản đồ số 25)	2,281	1,711	1,283	898
7.5	Đường phố loại X				
	Đoạn đường từ ngã ba có đường rẽ đi Nà Rựa đi theo đường đi Canh Tân, Minh Khai đến hết địa phận phường Hòa Chung giáp xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng”.	1,648	1,236	926	649
	Trục đường chính trong khu dân cư Nà Gà	1,648	1,236	926	649

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
	Đoạn từ ngã ba đường rẽ đi Nà Rua theo đường vào làng Nà Rua đến hết địa phận phường Hòa Chung giáp xã Lê Chung, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng”	1,871	1,402	1,051	788
8	Phường Duyệt Trung				
8.1	Đường phố loại VII				
	Đoạn đường từ mốc địa giới hành chính giữa phường Duyệt Trung và phường Tân Giang, theo đường Đông Khê đến ngã ba có đường rẽ vào Trại giam Khuổi Tào.	4,006	3,004	2,253	1,577
8.2	Đường phố loại VIII				
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ đi Trại giam Khuổi Tào, theo đường Đông Khê đến đường rẽ vào mỏ quặng sắt Nà Lũng.	2,893	2,170	1,628	1,140
8.3	Đường phố loại IX				
	Đoạn đường từ ngã ba đường rẽ vào mỏ quặng sắt Nà Lũng, theo đường Đông Khê đến ngã ba rẽ vào trụ sở làm việc Công an phường Duyệt Trung.	2,091	1,569	1,176	823
8.4	Đường phố loại X				
	Đoạn đường từ ngã ba rẽ vào trụ sở làm việc Công an phường Duyệt Trung theo đường Đông Khê đến hết địa giới phường Duyệt Trung	3,939	3,030	2,331	1,793